

**A. CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ NĂM HỌC 2012 - 2013**

I. Đào tạo đại học chính quy

1. Ngành Kinh tế Phát triển:

| Stt | Nội dung | Ngành Kinh tế phát triển |
|-----|--|---|
| I | Điều kiện tuyển sinh | <p>- Đối tượng dự thi: thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh hàng năm đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN, trường Đại học Kinh tế và ngành Kinh tế phát triển</p> <p>- Khối thi: A, A1, D1</p> <p>- Kế hoạch tuyển sinh: Theo kế hoạch chung của Đại học Kinh tế, Khối A và D</p> |
| II | Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...) | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 32 phòng học với tổng diện tích 4.220 m², 1 phòng máy tính với 60 đầu máy và 3 hội trường với diện tích 390 m². Các phòng học, phòng máy tính và hội trường được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, âm thanh, ánh sáng cho việc giảng dạy và học tập.</p> <p>Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của Đại học Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn, ...</p> <p>Với số phòng học, phòng thực hành và các hội trường, sân tập trên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo với quy mô hiện có và các chương trình đào tạo của nhà trường.</p> |
| III | Đội ngũ giảng viên | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu với trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 12 phó giáo sư, 47 tiến sĩ và 30 thạc sĩ giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành. Trong đó khoa Kinh tế phát triển là khoa phụ trách chương trình KTPT có 14 giảng viên. Ngoài giảng viên cơ hữu, Trường cũng có hơn 50 giảng viên kiêm nhiệm giảng dạy cho chương trình.</p> <p>Đặc biệt, vì là một đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN nên các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực của chương trình do các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Trường ĐHKH Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Ngoại ngữ, Trường ĐH Công nghệ, Khoa Luật, Trung tâm Bồi dưỡng và Đào tạo giảng viên lý luận chính trị, Trung tâm GD Quốc phòng – An ninh, Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao đảm nhận.</p> |

| | | |
|----|---|--|
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <ul style="list-style-type: none"> - Cố vấn học tập - Hội sinh viên - Đoàn thanh niên |
| V | Yêu cầu về thái độ học tập của người học | <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, kiên trì, nhiệt tình... - Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc. - Có các phẩm chất đạo đức xã hội như: Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng |
| VI | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được | <p>Mục tiêu đào tạo</p> <p>Mục tiêu chung</p> <p>Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế phát triển; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về kinh tế phát triển mang tính liên ngành trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phát triển, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở nghiên cứu; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia phân tích, nhà hoạch định chính sách, nhà lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế phát triển.</p> <p>Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> • Vận dụng khối kiến thức chung của ĐHQGHN vào nghề nghiệp và cuộc sống. • Vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế và Kinh tế phát triển vào việc tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo • Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển để giải thích các vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế. • Vận dụng được các kiến thức sâu về chuyên ngành như kinh tế học nâng cao, kinh tế lượng nâng cao, chi tiêu công, lựa chọn công cộng ... để phân tích, đánh giá các vấn đề nảy sinh trong chính sách công; quản lý môi trường, hạch toán môi trường... để phân tích, đánh giá tác động qua lại của môi trường đối với phát triển kinh tế và thực hiện phát triển bền vững. • Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân Kinh tế phát triển bước đầu có kiến thức thực tiễn, làm quen với các công việc trong tương lai. • Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị để phân tích, tổng hợp và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Kinh tế phát triển. <p>Về kỹ năng</p> |

| | | |
|-----|---|--|
| | | <p><i>* Kỹ năng nghề nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế phát triển. • Có kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và phân tích các vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển. • Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và bối cảnh tổ chức trong lĩnh vực Kinh tế phát triển để thành công trong công việc. • Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp. <p><i>* Kỹ năng mềm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực về thời gian và khối lượng công việc; có khả năng vận hành và làm việc nhóm hiệu quả để hoàn thành công việc đúng hạn. • Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyên giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail), giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương IELTS 4.0 trở lên. • Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews, STATA ...) trong phân tích vấn đề liên quan; có thể dùng internet và các thiết bị văn phòng. |
| VII | <p>Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ</p> | <p>Nhóm 1</p> <p><i>* Chuyên viên tư vấn, phân tích chính sách về kinh tế phát triển:</i></p> <p>Có đủ năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp trung ương và địa phương; có thể đảm nhận các công việc cụ thể : Phân tích thực trạng, đánh giá tác động của tăng trưởng và phát triển kinh tế; tham gia lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; có thể tư vấn giải pháp, chính sách phục vụ cho phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực chính sách công, phát triển bền vững; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn, cán bộ hoạch định chính sách và cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước.</p> <p>Nhóm 2</p> <p><i>* Cán bộ dự án:</i></p> <p>Có đủ năng lực làm việc tại các dự án phát triển, các tổ chức phát triển và các doanh nghiệp; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể: Phân tích thực trạng kinh tế - xã hội của cộng đồng, quốc gia; tham gia lập kế hoạch và thực hiện dự án phát triển; tổng hợp, nghiên cứu, phân tích và tham gia hoạch định chính sách phát triển; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia, cán bộ quản lý tại các dự án, tổ chức phát triển.</p> <p>Nhóm 3</p> |

| | |
|--|---|
| | <p><i>* Nghiên cứu viên và giảng viên:</i></p> <p>Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận được các công việc cụ thể : giảng dạy các môn liên quan đến Kinh tế học, Kinh tế phát triển,..; nghiên cứu, tư vấn về kinh tế và kinh tế phát triển, chính sách công, kinh tế môi trường, phát triển bền vững; triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, giảng viên cao cấp và cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục đào tạo và cơ sở nghiên cứu</p> |
|--|---|

2. Ngành Kinh tế Chính trị:

| Stt | Nội dung | Ngành Kinh tế chính trị |
|-----|---|---|
| I | Điều kiện tuyển sinh | Những người đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương; đủ điểm trúng tuyển theo Qui định của Trường Đại học Kinh tế. |
| II | Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện...) | <p>Đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức đào tạo.</p> <p>Tổng diện tích hội trường, giảng đường và phòng máy vi tính của trường hiện nay là 4.670 m². Với quy mô đào tạo sau đại học hằng năm là 1000 học viên và 1500 sinh viên, tỷ lệ diện tích trên mỗi một người học của Trường Đại học Kinh tế khoảng 2m²/sinh viên (hoặc học viên) (Xem chi tiết tại phụ lục 16.1)</p> <p>Ngoài ra còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn,....</p> <p>Các giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo được biên soạn dựa trên các tài liệu sẵn có của Trường Đại học Kinh tế và các tài liệu nước ngoài, các nghiên cứu tình huống ở Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận nguồn tài liệu từ Trung tâm Thông tin - Thư viện của ĐHQG. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, thu thập, xử lý, quản trị và cung cấp thông tin và nguồn tư liệu khoa học, tư liệu dạy-học (giáo trình, sách tham khảo, tài liệu học thuật) tới toàn bộ mọi đối tượng (bao gồm giảng viên, sinh viên và các đối tượng khác) trong toàn ĐHQGHN trong đó có Trường Đại học Kinh tế. Trung tâm Thông tin - Thư viện được ĐHQGHN tập trung đầu tư nhân lực, vật lực và tài lực để không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ thông tin và tư liệu.</p> <p>Nguồn tư liệu của Trung tâm Thông tin - Thư viện gồm khoảng 200 nghìn đầu sách với gần 1 triệu bản sách, 3000 tên tạp chí với khoảng 450 nghìn bản tạp chí, bộ sưu tập tài liệu điện tử gồm 6 cơ sở dữ liệu bài đăng tạp chí khoa học nước ngoài trên CD-ROM, nguồn tin Online gồm ba CSDL sách, tạp chí, luận văn (với 50.000 biểu ghi), 8 CSDL do Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia (NACESTID) cung cấp. Có 56 tên giáo trình với số lượng 1.140 cuốn dành riêng cho chương trình chất lượng cao và chương trình nhiệm vụ chiến lược.</p> |

| Stt | Nội dung | Ngành Kinh tế chính trị |
|-----|--|--|
| | | <p>Về thiết bị lưu trữ và xử lý, Trung tâm Thông tin - Thư viện có 5 máy chủ, hơn 100 máy trạm và tủ quang 76 giá đĩa (mỗi đĩa 9.1 GB) cho phép lưu trữ và vận hành hệ thống thư viện phục vụ tốt nhu cầu người dùng. Trung tâm Thông tin - Thư viện sử dụng phần mềm thư viện điện tử LIBOL5.0 www.lic.vnu.edu.vn</p> <p>Hiện tại, Trung tâm Thông tin - Thư viện đáp ứng đủ đầu giáo trình cho khối kiến thức chung và một phần giáo trình cho khối kiến thức cơ sở ngành. Trung tâm cũng có số lượng đáng kể sách tham khảo đối với một số môn học thực hành thuộc chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế.</p> <p>Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN có một phòng Tư liệu riêng tại tầng 5 Trung tâm Thông tin - Thư viện để phục vụ sinh viên của trường Đại học Kinh tế.</p> |
| III | Đội ngũ giảng viên | <p>Trường Đại học Kinh tế là cơ sở đào tạo có bề dày kinh nghiệm về đào tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Ngoài đội ngũ cán bộ giảng dạy trong Trường, Trường Đại học Kinh tế còn có rất nhiều giảng viên thỉnh giảng từ các Viện nghiên cứu, học viện, các trường Đại học trong nước cùng tham gia giảng dạy các môn học trong chương trình. Hiện nay, Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu, trong đó có 12 Phó giáo sư (chiếm 16%), 47 Tiến sĩ (chiếm 47%) và 30 thạc sĩ.</p> <p>Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Trường Đại học Kinh tế còn hợp tác với rất nhiều giảng viên, cán bộ nghiên cứu từ các trường đại học và viện nghiên cứu trên cả nước, trong đó</p> <p>Trường Đại học Kinh tế đã ký hợp đồng giảng viên kiêm nhiệm với 38 giảng viên từ các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu ngoài Trường.</p> <p>Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế và Kinh tế chính trị của Trường Đại học Kinh tế do Khoa Kinh tế chính trị phụ trách. Đội ngũ giảng viên của khoa bao gồm 14 giảng viên trong đó có 04 PGS.TS và 05 tiến sĩ chiếm khoảng 65% tổng số giảng viên của Khoa.</p> |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Trường Đại học Kinh tế luôn tổ chức các buổi seminar khoa học, các buổi tọa đàm, mời các chuyên gia, các nhà nghiên cứu kinh tế đến trao đổi khoa học cho học viên nhằm trang bị thêm những kiến thức thực tiễn, giúp người học hiểu thêm về các vấn đề kinh tế xã hội của Việt Nam và thế giới.</p> <p>Ngoài ra, các khoa chuyên môn cũng thường xuyên tổ chức cho học viên, sinh viên các đợt thực tập thực tế tại cơ sở, giúp cho người học có thể áp dụng các kiến thức giảng dạy trong nhà trường vào thực tế</p> |
| V | Yêu cầu về thái độ học tập của người học | <p>Sinh viên được đào tạo theo chương trình cử nhân Kinh tế chính trị là những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt.</p> |
| VI | Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt | <p>1. Cử nhân kinh tế: 1.1 Mục tiêu đào tạo Đào tạo cử nhân kinh tế có những kiến thức cơ bản và hệ</p> |

| Stt | Nội dung | Ngành Kinh tế chính trị |
|-----|--------------------|--|
| | <p>được</p> | <p>thống về kinh tế học, có những kiến thức chuyên sâu về kinh tế học thể chế và kinh tế chính trị học hiện đại; có phương pháp tư duy khoa học; có khả năng truyền đạt và vận dụng kiến thức được trang bị để tham gia nghiên cứu, giải quyết các vấn đề kinh tế; có thể tiếp tục học tập ở bậc cao hơn và tích lũy kiến thức từ hoạt động thực tiễn để trở thành các chuyên gia tư vấn, phân biện, hoạch định và thực thi chính sách kinh tế, các nhà lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế.</p> <p>1.2 Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng khối kiến thức chung của ĐHQGHN vào nghề nghiệp và cuộc sống. - Vận dụng các kiến thức toán và khoa học tự nhiên, kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế vào giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. - Áp dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế học, kinh tế phát triển, kinh tế chính trị học hiện đại, kinh tế công cộng, tiền tệ và ngân hàng, kinh tế quốc tế, phân tích, chính sách kinh tế xã hội,... để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc. - Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu, một số kỹ năng, phương pháp phân tích về kinh tế nhất là kinh tế học thể chế và kinh tế chính trị hiện đại thông qua các môn học như kinh tế chính trị quốc tế, kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi, kinh tế chính trị Việt Nam, lợi ích kinh tế và quan hệ phân phối, các lý thuyết về thể chế kinh tế hiện đại, thể chế và tăng trưởng kinh tế,... vào thực tiễn công việc được giao. - Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân ngành kinh tế bước đầu có kiến thức thực tiễn, làm quen với các công việc trong tương lai. - Sử dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị để phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp, bước đầu phân biện và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế. <p>1.3 Về kỹ năng</p> <p><i>* Các kỹ năng nghề nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích đánh giá phân biện, tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế dựa trên những luận cứ khoa học, khả năng tư duy hệ thống. - Có khả năng tham gia vào quá trình tư vấn tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện các chính sách kinh tế, các quyết định kinh tế trong các thể chế kinh tế xã hội. - Biết tiếp cận các vấn đề trong bối cảnh nền kinh tế mở, hội nhập kinh tế quốc tế; trong mối quan hệ với thể chế kinh tế ở Việt Nam và truyền thống văn hóa của người Việt. - Có khả năng tự nghiên cứu và vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trên thực tế; từng bước hình thành năng lực sáng tạo, phát |

| Stt | Nội dung | Ngành Kinh tế chính trị |
|-----|---|---|
| | | <p>triển nghề nghiệp trong tương lai.</p> <p><i>* Kỹ năng mềm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác làm việc theo nhóm; biết thích nghi và quản lý sự thay đổi. - Có kỹ năng giao tiếp tốt bằng văn bản nhất là các văn bản quản lý; có thể trình bày các báo cáo phân tích kinh tế. - Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc học tập và nghiên cứu kinh tế (IELTS 4.0). - Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và biết sử dụng ít nhất một phần mềm xử lý dữ liệu (SPSS, Eviews, STATA...) phục vụ công tác phân tích đánh giá các vấn đề kinh tế xã hội. <p>1.4 Trình độ ngoại ngữ</p> <p>Sử dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Anh trong giao tiếp, trong công việc (học tập và nghiên cứu chuyên ngành).</p> <p>2.Cử nhân Kinh tế Chính trị:</p> <p>2.1. Về kiến thức</p> <p>Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống và cập nhật. Từ đó, người học có thể nhận diện được các vấn đề của Kinh tế chính trị của đất nước và thế giới, đồng thời biết vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn.</p> <p>2.2 Về kỹ năng</p> <p>Với những kiến thức được trang bị, người học bước đầu có được các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và dự báo về những vấn đề kinh tế cơ bản. Trên cơ sở đó, người học có thể tự nghiên cứu, bổ túc thêm để giải quyết những vấn đề kinh tế chuyên sâu hơn.</p> <p>2.3 Điều kiện về ngoại ngữ</p> <p>Sử dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Anh trong giao tiếp, trong công việc (học tập và nghiên cứu chuyên ngành).</p> |
| VII | <p>Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ</p> | <p>A, Cử nhân Kinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên phân tích, tư vấn về kinh tế: - Có đủ năng lực để làm việc tại các tổ chức kinh tế chính trị xã hội mang tính liên ngành; các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các thể chế kinh tế quốc tế tại Việt Nam; có thể đảm nhiệm các công việc như trợ lý phân tích, phân biện và hoạch định chính sách kinh tế; trợ lý tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý...; triển vọng có thể trở thành các chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn chuyên nghiệp, các nhà quản lý kinh tế. - Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế: - Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở nghiên |

| Stt | Nội dung | Ngành Kinh tế chính trị |
|-----|----------|--|
| | | <p>cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể đảm nhiệm các công việc như tham gia nghiên cứu các vấn đề kinh tế, đặc biệt là kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế học thể chế; trợ giảng và giảng dạy các môn kinh tế học, kinh tế chính trị quốc tế, các lý thuyết về thể chế kinh tế...; triển vọng có thể trở thành các nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp về kinh tế học.</p> <p>B, Cử nhân Kinh tế Chính trị:</p> <p>Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Kinh tế chính trị có thể làm việc trong các cơ quan nghiên cứu kinh tế; các cơ quan hoạch định chính sách kinh tế của Việt Nam hoặc nước ngoài; làm giảng viên trong các trường đại học và cao đẳng hoặc làm việc trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.</p> |

3. Ngành Kinh tế Quốc tế

| STT | Nội dung | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chuẩn) | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chất lượng cao) |
|-----|--|---|---|
| | | <p>- Đối tượng dự thi: thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh hàng năm đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN, trường Đại học Kinh tế và ngành Kinh tế phát triển</p> <p>- Khối thi: A, A1, D1</p> <p>- Kế hoạch tuyển sinh: Theo kế hoạch chung của Đại học Kinh tế, Khối A và D</p> | <p>- Đối tượng dự thi: thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh hàng năm đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN, trường Đại học Kinh tế và ngành Kinh tế Quốc tế</p> <p>- Khối thi: A, A1, D1</p> <p>- Kế hoạch tuyển sinh: Theo kế hoạch chung của Đại học Kinh tế, Khối A và D</p> |
| II | Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...) | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 32 phòng học với tổng diện tích 4.220 m², 1 phòng máy tính với 60 đầu máy và 3 hội trường với diện tích 390 m². Các phòng học, phòng máy tính và hội trường được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, âm thanh, ánh sáng cho việc giảng dạy và học tập.</p> <p>Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn, ...</p> <p>Với số phòng học, phòng thực hành và các hội trường, sân tập trên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo với quy mô hiện có và các chương trình đào tạo của nhà trường.</p> | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 32 phòng học với tổng diện tích 4.220 m², 1 phòng máy tính với 60 đầu máy và 3 hội trường với diện tích 390 m². Các phòng học, phòng máy tính và hội trường được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, âm thanh, ánh sáng cho việc giảng dạy và học tập.</p> <p>Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn, ...</p> <p>Với số phòng học, phòng thực hành và các hội trường, sân tập trên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo với quy mô hiện có và các chương trình đào tạo của nhà</p> |

| STT | Nội dung | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chuẩn) | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chất lượng cao) |
|-----|--|--|--|
| | | | trường. |
| III | Đội ngũ giảng viên | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu với trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 12 phó giáo sư, 47 tiến sĩ và 30 thạc sĩ giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành. Trong đó khoa Kinh tế phát triển là khoa phụ trách chương trình KTPT có 14 giảng viên. Ngoài giảng viên cơ hữu, Trường cũng có hơn 50 giảng viên kiêm nhiệm giảng dạy cho chương trình.</p> <p>Đặc biệt, vì là một đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN nên các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực của chương trình do các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Trường ĐHKH Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Công nghệ, Khoa Luật, Trung tâm Bồi dưỡng và Đào tạo giảng viên lý luận chính trị, Trung tâm GD Quốc phòng – An ninh, Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao đảm nhận.</p> | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu với trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 12 phó giáo sư, 47 tiến sĩ và 30 thạc sĩ giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành. Trong đó khoa Kinh tế Quốc tế là khoa phụ trách chương trình KTQT có 15 giảng viên (3 PGS, 8 tiến sĩ, 4 thạc sĩ)</p> <p>Đặc biệt, vì là một đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN nên các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực của chương trình do các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Trường ĐHKH Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Ngoại ngữ, Trường ĐH Công nghệ, Khoa Luật, Trung tâm Bồi dưỡng và Đào tạo giảng viên lý luận chính trị, Trung tâm GD Quốc phòng – An ninh, Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao đảm nhận.</p> |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Sinh viên được cấp tài khoản cá nhân để đăng ký học, xem lịch học, lịch thi, kết quả học tập và lấy đề cương môn học trên hệ thống Portal sinh viên; được tham khảo và sử dụng hệ thống giáo trình, học liệu cập nhật, hiện đại tại Trung tâm Thông tin Tư liệu – ĐHQGHN và Bộ phận Tư liệu thuộc Phòng Đào tạo Trường Đại học Kinh tế..</p> <p>Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ; năm thứ 3 đi thực tập, thực tế tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các viện nghiên cứu...</p> <p>Sinh viên được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội nghị, hội thảo khoa học; có cơ hội nhận học bổng từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; sinh viên có cơ hội tham gia vào các hoạt động ngoại khoá, các khoá đào tạo ngắn hạn về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm.</p> | <p>Sinh viên được cấp tài khoản cá nhân để đăng ký học, xem lịch học, lịch thi, kết quả học tập và lấy đề cương môn học trên hệ thống Portal sinh viên; được tham khảo và sử dụng hệ thống giáo trình, học liệu cập nhật, hiện đại tại Trung tâm Thông tin Tư liệu – ĐHQGHN và Bộ phận Tư liệu thuộc Phòng Đào tạo Trường Đại học Kinh tế..</p> <p>Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ; năm thứ 3 đi thực tập, thực tế tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các viện nghiên cứu...</p> <p>Sinh viên được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội nghị, hội thảo khoa học; có cơ hội nhận học bổng từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; sinh viên có cơ hội tham gia vào các hoạt động ngoại khoá, các khoá đào</p> |

| STT | Nội dung | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chuẩn) | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chất lượng cao) |
|-----|---|---|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Cố vấn học tập - Hội Sinh viên - Đoàn thanh niên - Câu lạc bộ | tạo ngắn hạn về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. <ul style="list-style-type: none"> - Cố vấn học tập - Hội Sinh viên - Đoàn thanh niên - Câu lạc bộ |
| V | Yêu cầu về thái độ học tập của người học | <p>Có phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn, ...</p> <p>Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa.</p> <p>Có các phẩm chất đạo đức xã hội như: Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng.</p> | <p>Có phẩm chất đạo đức cá nhân: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn, ...</p> <p>Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa.</p> <p>Có các phẩm chất đạo đức xã hội: Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng.</p> |
| VI | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được | <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu chung Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế quốc tế; có khả năng tác nghiệp, phân tích, nghiên cứu, giảng dạy, xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế quốc tế tại các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu, các tổ chức khác; có khả năng tiếp tục học tập, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. • Mục tiêu kiến thức Vận dụng khối kiến thức chung của ĐHQGHN vào nghề nghiệp và cuộc sống. Vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế và Kinh tế quốc tế vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. Áp dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của kinh tế quốc tế. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế cũng như một số kiến thức nghiệp vụ như giao dịch thương | <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu chung Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế quốc tế có chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế có năng lực tổng hợp, phân tích và trợ giúp hoạch định, tổ chức thực thi các chính sách, cũng như lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài tại các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn, tổng công ty hay doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài; có năng lực tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học; có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và các lĩnh vực liên quan. • Mục tiêu kiến thức Hiểu bối cảnh và tư tưởng đường lối của Nhà nước Việt Nam được truyền tải trong khối kiến thức chung và vận dụng vào nghề nghiệp và cuộc sống. Hiểu và áp dụng các kiến thức theo lĩnh vực như toán, khoa học tự nhiên và kiến thức theo khối ngành |

| STT | Nội dung | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chuẩn) | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chất lượng cao) |
|-----|----------|---|--|
| | | <p>mại quốc tế, vận tải, bảo hiểm trong thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế... phục vụ các công việc trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> <p>Sử dụng kiến thức thực tế, thực tập, cử nhân kinh tế quốc tế có kiến thức thực tiễn về kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế thế giới; bước đầu có kiến thức thực tiễn, làm quen với các công việc trong tương lai.</p> <p>Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị để phân tích, tổng hợp và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu kỹ năng - <i>Kỹ năng nghề nghiệp</i> <p>Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> <p>Có các kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> <p>Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và bối cảnh tổ chức để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế.</p> <p>Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Kỹ năng mềm</i> <p>Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian công việc, có khả năng làm việc nhóm và một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo</p> <p>Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail), giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương IELTS 4.0 trở lên.</p> <p>Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EVIEWS...); có thể sử dụng thành thạo internet và các thiết bị văn phòng.</p> | <p>kinh tế và quản trị kinh doanh làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho nhóm ngành kinh tế.</p> <p>Hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành kinh tế quốc tế.</p> <p>Hiểu và áp dụng các kiến thức về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư nước ngoài để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> <p>Tổng hợp, phân tích và đánh giá một số chính sách về quan hệ thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài thông qua các kiến thức ngành kinh tế quốc tế và kiến nghị giải pháp.</p> <p>Áp dụng và tổng hợp kiến thức ngành kinh tế quốc tế để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án hay chính sách về kinh tế quốc tế.</p> <p>Áp dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực kinh tế quốc tế để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu kỹ năng - <i>Kỹ năng nghề nghiệp</i> <p>Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế như phát hiện và hình thành vấn đề, đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp kiến nghị.</p> <p>Có khả năng tư duy theo hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề nói chung và thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế nói riêng trong các bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và trong các tổ chức khác nhau.</p> <p>Có khả năng nghiên cứu khoa học và khám phá kiến thức, đặc biệt là các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế và kinh doanh quốc tế.</p> <p>Có các kỹ năng, kỹ thuật nghề</p> |

| STT | Nội dung | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chuẩn) | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chất lượng cao) |
|-----|---|---|--|
| | | | <p>ngành như kỹ thuật nghiệp vụ thương mại, khả năng lập kế hoạch dự án nghiên cứu, đầu tư, kinh doanh, kỹ thuật phân tích tài chính quốc tế và kỹ năng xử lý các vấn đề thực tiễn của kinh tế đối ngoại ở nước ta.</p> <p>Có năng lực vận dụng sáng tạo và linh hoạt kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.</p> <p>- <i>Kỹ năng mềm</i></p> <p>Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian công việc, có khả năng hình thành nhóm, phát triển nhóm, làm việc nhóm, có kỹ năng quản lý và lãnh đạo.</p> <p>Có khả năng học và tự học suốt đời để cập nhật và bắt nhịp với các xu thế mới của thời đại.</p> <p>Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail), giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương IELTS 5.5 trở lên.</p> <p>Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EVIEWS...); có thể sử dụng thành thạo internet và các thiết bị văn phòng.</p> |
| VII | <p>Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ</p> | <p>Nhóm 1 * <i>Chuyên viên kinh doanh trong các lĩnh vực có yếu tố nước ngoài:</i> Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp trong nước, liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài; có thể đảm nhận các công việc liên quan đến chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, logistics, giao nhận, vận tải, phát triển thị trường quốc tế, thanh toán, tín dụng quốc tế; trợ lý cho việc đàm phán, ký kết hợp đồng thương mại quốc tế; triển vọng trong tương lai có thể trở thành doanh</p> | <p>Nhóm 1 * <i>Chuyên viên hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách, nghiên cứu viên và giảng viên:</i> Có khả năng đảm nhận các công việc trợ lý hay chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của Chính phủ; triển vọng trong</p> |

| STT | Nội dung | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chuẩn) | Ngành Kinh tế quốc tế (hệ chất lượng cao) |
|-----|----------|--|---|
| | | <p>nhân, nhà quản lý trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế.</p> <p>Nhóm 2 * <i>Chuyên viên phân tích và tư vấn chính sách:</i> Có đủ năng lực làm việc tại các Bộ, Ngành, Địa phương trong nước và các tổ chức quốc tế như ILO, ADB, IMF, WB, NGOs...; có thể đảm nhận các công việc: tham gia xây dựng, theo dõi các dự án quốc tế; trợ lý phân tích và tư vấn về các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế... ; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn chính sách trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> <p>Nhóm 3 * <i>Nghiên cứu viên và giảng viên:</i> Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận công việc: tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế; trợ lý giảng dạy, giảng viên dạy các môn học: kinh tế quốc tế, kinh tế đối ngoại Việt Nam, thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế...; triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> | <p>tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn chính sách trong các lĩnh vực này.</p> <p>Có khả năng đảm nhận các công việc trợ giúp và tham gia xây dựng, theo dõi, phân tích và tư vấn các dự án quốc tế tại các tổ chức quốc tế như các tổ chức của Liên Hiệp Quốc (UN), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức lao động quốc tế (ILO) hay các tổ chức phi chính phủ quốc tế (iNGOs).</p> <p>Có khả năng tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến kinh tế quốc tế, kinh tế đối ngoại Việt Nam, thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư nước ngoài; triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên và giảng viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> <p>Nhóm 2 * <i>Chuyên viên kế hoạch, kinh doanh và đối ngoại tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước:</i> Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến lập kế hoạch, giám sát hay thực thi về chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, logistics, phát triển thị trường quốc tế, tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng thương mại quốc tế tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty doanh nghiệp nhà nước, các công ty Đa quốc gia, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài; triển vọng có thể trở thành nhà quản lý hay doanh nhân trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.</p> |

4. Khoa Tài chính – Ngân hàng

| STT | Nội dung | Khoa Tài chính – Ngân hàng | | |
|-----|--|---|---|---|
| | | Ngành kế toán | Ngành tài chính - Ngân hàng | Ngành TC - NH Chất lượng cao |
| I | Điều kiện tuyển sinh | <p>Thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh hàng năm đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN, trường Đại học Kinh tế và ngành Kế toán.</p> | <p>Thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh hàng năm đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN, trường Đại học Kinh tế và ngành Tài chính - Ngân hàng.</p> | <p>Đối tượng dự tuyển là sinh viên trúng tuyển vào Trường ĐHKT (trừ sinh viên chương trình nhiệm vụ chiến lược), có kết quả thi đại học ít nhất bằng với điểm chuẩn của ngành Tài chính – Ngân hàng.</p> <p>- Thi tuyển: Vòng 1: Thi Tiếng Anh</p> <p>- Vòng 2: Phòng vấn đánh giá năng lực cá nhân.</p> |
| II | Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...) | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 32 phòng học với tổng diện tích 4.220 m², 1 phòng máy tính với 60 đầu máy và 3 hội trường với diện tích 390 m². Các phòng học, phòng máy tính và hội trường được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, âm thanh, ánh sáng cho việc giảng dạy và học tập.</p> <p>Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn, ...</p> <p>Với số phòng học, phòng thực hành và các hội trường, sân tập trên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo với quy mô hiện có và các chương trình đào tạo của nhà trường.</p> <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu với trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 12 phó giáo sư, 47 tiến sĩ và 30 thạc sĩ giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành.</p> | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 32 phòng học với tổng diện tích 4.220 m², 1 phòng máy tính với 60 đầu máy và 3 hội trường với diện tích 390 m². Các phòng học, phòng máy tính và hội trường được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, âm thanh, ánh sáng cho việc giảng dạy và học tập.</p> <p>Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn, ...</p> <p>Với số phòng học, phòng thực hành và các hội trường, sân tập trên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo với quy mô hiện có và các chương trình đào tạo của nhà trường.</p> <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu với trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 12 phó giáo sư, 47 tiến sĩ và 30 thạc sĩ giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành.</p> | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 32 phòng học với tổng diện tích 4.220 m², 1 phòng máy tính với 60 đầu máy và 3 hội trường với diện tích 390 m². Các phòng học, phòng máy tính và hội trường được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, âm thanh, ánh sáng cho việc giảng dạy và học tập.</p> <p>Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn, ...</p> <p>Với số phòng học, phòng thực hành và các hội trường, sân tập trên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo với quy mô hiện có và các chương trình đào tạo của nhà trường.</p> <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu với trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó có 12 phó giáo sư, 47 tiến sĩ và</p> |

| STT | Nội dung | Khoa Tài chính – Ngân hàng | | |
|-----|-----------------------------|--|---|--|
| | | Ngành kế toán | Ngành tài chính - Ngân hàng | Ngành TC - NH Chất lượng cao |
| | | | | 30 thạc sĩ giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành. |
| III | Đội ngũ giảng viên | <p>Đặc biệt, vì là một đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN nên các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực của chương trình do các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Trường ĐHKH Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Ngoại ngữ, Trường ĐH Công nghệ, Khoa Luật, Trung tâm Bồi dưỡng và Đào tạo giảng viên lý luận chính trị, Trung tâm GD Quốc phòng – An ninh, Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao đảm nhận.</p> <p>Giảng viên cơ hữu: 20 giảng viên trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 10 giảng viên có học vị tiến sĩ (trong đó có 2 giảng viên có học hàm PGS) + 10 học viên có học vị thạc sĩ (trong đó có 4 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh) <p>Giảng viên kiêm nhiệm: 9 giảng viên trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 6 giảng viên có học vị tiến sĩ (trong đó có 1 giảng viên có học hàm PGS) + 3 giảng viên có học vị thạc sĩ | <p>Đặc biệt, vì là một đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN nên các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực của chương trình do các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Trường ĐHKH Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Ngoại ngữ, Trường ĐH Công nghệ, Khoa Luật, Trung tâm Bồi dưỡng và Đào tạo giảng viên lý luận chính trị, Trung tâm GD Quốc phòng – An ninh, Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao đảm nhận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng giảng viên giảng dạy thực tế ở khoa là 29 người. + Giảng viên cơ hữu: 20 giảng viên: + 10 giảng viên có học vị tiến sĩ (trong đó có 2 giảng viên có học hàm PGS) + 10 học viên có học vị thạc sĩ (trong đó có 4 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh) + Giảng viên kiêm nhiệm: 9 giảng viên: + 6 giảng viên có học vị tiến sĩ (trong đó có 1 giảng viên có học hàm PGS). | <p>Đặc biệt, vì là một đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN nên các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực của chương trình do các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Trường ĐHKH Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Ngoại ngữ, Trường ĐH Công nghệ, Khoa Luật, Trung tâm Bồi dưỡng và Đào tạo giảng viên lý luận chính trị, Trung tâm GD Quốc phòng – An ninh, Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao đảm nhận.</p> <p>Tổng số 29 giảng viên :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Giảng viên cơ hữu: 20 giảng viên: +10 giảng viên có học vị tiến sĩ (trong đó có 2 giảng viên có học hàm PGS) +10 học viên có học vị thạc sĩ (trong đó có 4 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh) -Giảng viên kiêm nhiệm: 9 giảng viên: + 6 giảng viên có học vị tiến sĩ (trong đó có 1 giảng viên có học hàm PGS) + 3 giảng viên có học vị thạc sĩ -100% Giảng viên có khả năng giảng dạy bằng tiếng Anh. |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ | Giới thiệu về phương pháp học tập; Career Talk; SV sinh | Giới thiệu về phương pháp học tập; Career Talk; SV sinh | - Thường xuyên có cơ hội thực tập thực tế tại các ngân |

| STT | Nội dung | Khoa Tài chính – Ngân hàng | | |
|-----|---|--|--|--|
| | | Ngành kế toán | Ngành tài chính - Ngân hàng | Ngành TC - NH Chất lượng cao |
| | học tập, sinh hoạt cho người học | viên; Định hướng nghiên cứu khoa học, khóa luận cho sinh viên; Thực tập thực tế tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp | viên; Định hướng nghiên cứu khoa học, khóa luận cho sinh viên; Thực tập thực tế tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp | hàng, doanh nghiệp, công ty chứng khoán. - Được tham gia các buổi nói chuyện, seminar về phương pháp học tập; Career Talk; Tham gia SV sinh viên; Định hướng nghề nghiệp, Phương pháp và định hướng nghiên cứu khoa học, phương pháp viết khóa luận với các chuyên gia thực tiễn và nhà khoa học trong ngành tài chính ngân hàng. |
| V | Yêu cầu về thái độ học tập của người học | Sinh viên được đào tạo theo chương trình đào tạo này là những người có sức khỏe tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt. | - Có các phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo... - Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm, đáng tin cậy, tuân thủ kỷ luật của tổ chức, tác phong làm việc chuyên nghiệp. - Có các phẩm chất đạo đức xã hội như: Tôn trọng Pháp luật, có lối sống tích cực, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng. | - Có các phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo... - Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm, đáng tin cậy, tuân thủ kỷ luật của tổ chức, tác phong làm việc chuyên nghiệp. - Có các phẩm chất đạo đức xã hội như: Tôn trọng Pháp luật, có lối sống tích cực, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng. |
| VI | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được | - Kiến thức: + Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản, hệ thống, tiếp cận với tri thức hiện đại về Kế toán - Kiểm toán để giúp sinh viên giải quyết các tình huống phức tạp trong các môn học chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán, kết hợp với khả năng phân tích và định hướng chiến lược trong hoạt động chuyên môn. + Sinh viên có thể tích hợp các kiến thức được đào tạo để tiếp cận với các chương trình của | - Áp dụng các kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, kế toán, tiền tệ ngân hàng, quản trị ngân hàng, tài chính và đầu tư để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc. - Vận dụng các kiến thức chuyên sâu và một số nghiệp vụ cụ thể về tài chính và ngân hàng như kế toán ngân hàng, thanh toán quốc tế, quản trị ngân quỹ, tín dụng ngân hàng, quản trị tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm... vào thực tiễn công | - Đánh giá, phân tích và tổng hợp được một số vấn đề chuyên sâu và một số nghiệp vụ cụ thể về tài chính - ngân hàng như tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế, quản lý đầu tư, quản trị ngân hàng thương mại, phân tích báo cáo tài chính... trong thực tiễn, công việc chuyên môn. - Vận dụng kiến thức thu thập được từ các đợt đi tham quan thực tế, thực tập, cử |

| STT | Nội dung | Khoa Tài chính – Ngân hàng | | |
|-----|----------|---|---|---|
| | | Ngành kế toán | Ngành tài chính - Ngân hàng | Ngành TC - NH Chất lượng cao |
| | | <p>ACCA, AAT, CPA,...để đạt được các chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp. Sinh viên được trang bị tiếng Anh tốt nhằm nâng cao khả năng cập nhật kiến thức, cơ hội nghề nghiệp và đón đầu xu thế phát triển của Kế toán, Kiểm toán trên phạm vi quốc tế.</p> <p>- Kỹ năng:</p> <p>+ Sinh viên được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp, bao gồm kỹ năng xử lý các nghiệp vụ, kỹ năng phân tích và xử lý tình huống, thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và phân tích các báo cáo tài chính. Sinh viên cũng được trang bị kỹ năng phân tích tài liệu Kế toán, Kiểm toán theo hướng chuyên sâu, phân tích và trình bày các vấn đề một cách rõ ràng, logic và có tính sáng tạo, có kỹ năng phối hợp và thực hiện công việc trong môi trường làm việc theo nhóm, kỹ năng lãnh đạo và các giá trị đạo đức nghề nghiệp từ đó nâng cao khả năng thành công trong môi trường làm việc của các Kế toán, Kiểm toán viên chuyên nghiệp.</p> <p>- Về ngoại ngữ:</p> <p>+ Sinh viên hệ chính qui khi tốt nghiệp ngành Kế toán phải có trình độ Tiếng Anh tương đương IELTS 5.0 điểm trở lên để giao tiếp và làm việc chuyên môn liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán.</p> | <p>việc được giao.</p> <p>- Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.</p> <p>- Có kỹ năng hình thành các giả thuyết; thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.</p> <p>- Giao tiếp bằng ngoại ngữ (tiếng Anh) có hiệu quả bao gồm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong lĩnh vực tài chính ngân hàng</p> | <p>nhân Tài chính - Ngân hàng hệ chất lượng cao bước đầu có kiến thức thực tiễn, làm quen với các công việc của ngành tài chính – ngân hàng trong tương lai.</p> <p>- Sử dụng được kiến thức lý thuyết và thực tiễn đã học được trang bị để phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp và giải quyết một các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; viết được khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh.</p> <p>- Có năng lực vận dụng kiến thức đã học, kỹ năng đã được rèn luyện về tài chính - ngân hàng vào thực tiễn của đơn vị; có năng lực sáng tạo trong công việc, phát triển vị trí cá nhân trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.</p> <p>- Có kỹ năng thuyết trình nhiệm vụ tài chính, công việc trong ngân hàng, kỹ năng giao tiếp giữa các đồng nghiệp cùng làm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng (bao gồm giao dịch trực tiếp qua điện thoại, văn bản, thư điện tử). Sử dụng tiếng Anh với trình độ tối thiểu tương đương IELTS 5.5.</p> |

| STT | Nội dung | Khoa Tài chính – Ngân hàng | | |
|-----|--|---|--|---|
| | | Ngành kế toán | Ngành tài chính - Ngân hàng | Ngành TC - NH Chất lượng cao |
| VII | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ | <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán có thể hướng tới những vị trí làm việc trong hầu hết các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, hệ thống các cơ quan quản lý tài chính của Nhà nước, các đơn vị thuộc lĩnh vực công, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ. Các vị trí đảm nhận cụ thể như sau: - Tại doanh nghiệp: Chuyên viên kế toán, chuyên gia lập và phân tích kế hoạch tài chính, kiểm toán nội bộ, kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán, giám đốc tài chính/ CFO. - Tại các cơ quan quản lý nhà nước: Quản lý tài chính các dự án, chuyên viên kế toán, chuyên gia lập và phân tích kế hoạch tài chính, kiểm toán Nhà nước, thanh tra kinh tế. - Tại các công ty Kế toán, Kiểm toán: Chuyên gia kế toán, kiểm toán, chuyên gia phân tích tài chính, chuyên gia tư vấn kế toán, chuyên gia tư vấn thuế, chuyên gia tư vấn ngân hàng - tín dụng. - Tại các tổ chức xã hội: Kiểm soát tài chính, chuyên gia lập và phân tích kế hoạch tài chính, chuyên gia quản lý quỹ, chuyên viên kế toán. | <ul style="list-style-type: none"> <i>Nhóm 1</i> - Chuyên viên tài chính - ngân hàng <i>Nhóm 2</i> - Chuyên viên phân tích và tư vấn tài chính <i>Nhóm 3</i> - Nghiên cứu viên và giảng viên | <ul style="list-style-type: none"> <i>Nhóm 1</i> - Chuyên viên tài chính - ngân hàng <i>Nhóm 2</i> - Chuyên viên phân tích và tư vấn tài chính <i>Nhóm 3</i> - Nghiên cứu viên và giảng viên. |

5. Ngành Quản trị Kinh doanh

| STT | Nội dung | Đại học |
|-----|-----------------------------|---|
| I | Điều kiện tuyển sinh | <p>Diện tuyển thẳng: đạt một trong những tiêu chuẩn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trung học phổ thông (THPT) là thành viên đội tuyển quốc gia dự kỳ thi Olympic quốc tế về môn Toán học, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh. - Học sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 về môn Toán học, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh và tốt nghiệp THPT từ loại khá trở lên. <p>Diện thi tuyển:</p> |

| STT | Nội dung | Đại học |
|-----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh vào Khoa Quản trị kinh doanh của Trường Đại học kinh tế và có kết quả thi đạt mức điểm tối thiểu cao hơn 3 điểm so với điểm sàn của ĐHQGHN, tuyển chọn theo thể thức từ điểm cao nhất trở xuống. - Thí sinh đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh trong năm vào ĐHQGHN có cùng khối thi với ngành Quản trị kinh doanh của Trường, có kết quả thi cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh, qua kỳ thi phỏng vấn của Trường (nếu còn chỉ tiêu tuyển sinh). - Thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học trong năm có kết quả cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển vào ngành Quản trị kinh doanh, qua kỳ thi phỏng vấn của Trường (nếu còn chỉ tiêu tuyển sinh) - Thí sinh đăng ký dự thi hoặc xét tuyển thẳng phải có trình độ tiếng Anh đạt một trong những tiêu chuẩn sau: Điểm TOEFL paper (nội bộ hoặc quốc tế) từ 400 điểm trở lên, TOEFL IBT từ 30 điểm trở lên, TOEFL CBT từ 90 điểm trở lên, IELTS từ 3.5 điểm trở lên; TOEIC từ 350 điểm trở lên, có chứng chỉ tiếng Anh C (cấp tại các cơ sở đào tạo được Bộ GD&ĐT cho phép). Các văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh thí sinh trúng tuyển sẽ nộp khi nhập học. |
| II | <p>Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...)</p> | <p>Đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức đào tạo</p> <p>Tổng diện tích hội trường, giảng đường và phòng máy vi tính của trường hiện nay là 4.670 m². Với quy mô đào tạo sau đại học hằng năm là 1000 học viên và 1500 sinh viên, trong đó cơ 6 phòng học được trang thiết bị có 08 phòng học chuẩn quốc tế, 2 phòng hội thảo tại khu giảng đường của Trường trong hệ thống Đại học Quốc gia.</p> <p>Ngoài ra còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn,....</p> <p>Các giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo được biên soạn dựa trên các tài liệu sẵn có của Trường Đại học Kinh tế và các tài liệu nước ngoài, các nghiên cứu tình huống ở Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận nguồn tài liệu từ Trung tâm Thông tin - Thư viện của ĐHQG. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, thu thập, xử lý, quản trị và cung cấp thông tin và nguồn tư liệu khoa học, tư liệu dạy-học (giáo trình, sách tham khảo, tài liệu học thuật) tới toàn bộ mọi đối tượng (bao gồm giảng viên, sinh viên và các đối tượng khác) trong toàn ĐHQGHN trong đó có Trường ĐHKT. Trung tâm Thông tin - Thư viện được ĐHQGHN tập trung đầu tư nhân lực, vật lực và tài lực để không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ thông tin và tư liệu.</p> <p>Nguồn tư liệu của Trung tâm Thông tin - Thư viện gồm khoảng 200 nghìn đầu sách với gần 1 triệu bản sách, 3000 tên tạp chí với khoảng 450 nghìn bản tạp chí, bộ sưu tập tài liệu điện tử gồm 6 cơ sở dữ liệu bài đăng tạp chí khoa học nước ngoài trên CD-ROM, nguồn tin Online gồm ba CSDL sách, tạp chí, luận văn (với 50.000 biểu ghi), 8 CSDL do Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia (NACESTID) cung cấp. Có 56 tên giáo trình với số lượng 1.140 cuốn dành riêng cho chương trình chất lượng cao và chương trình nhiệm vụ chiến lược.</p> <p>Về thiết bị lưu trữ và xử lý, Trung tâm Thông tin - Thư viện có 5 máy chủ, hơn 100 máy trạm và tủ quang 76 giá đĩa (mỗi đĩa 9.1 GB) cho phép lưu trữ và vận hành hệ thống thư viện phục vụ tốt nhu cầu người dùng. Trung tâm Thông tin - Thư viện sử dụng phần mềm thư viện điện tử LIBOL5.0 www.lic.vnu.edu.vn.</p> <p>Hiện tại, Trung tâm Thông tin - Thư viện đáp ứng đủ đầu giáo trình cho</p> |

| STT | Nội dung | Đại học |
|-----|---|---|
| | | <p>khối kiến thức chung và một phần giáo trình cho khối kiến thức cơ sở ngành. Trung tâm cũng có số lượng đáng kể sách tham khảo đối với một số môn học thực hành thuộc chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế.</p> <p>Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN có một phòng Tư liệu riêng tại tầng 5 Trung tâm Thông tin - Thư viện để phục vụ sinh viên của trường ĐHKT.</p> |
| III | Đội ngũ giảng viên | <p>Khoa Quản trị Kinh doanh có đội ngũ 24 giảng viên, trong đó có 3 PGS, 14 tiến sỹ, 7 thạc sỹ đang làm nghiên cứu sinh. 80% giảng viên có sử dụng tiếng Anh để nghiên cứu, giảng dạy bằng tiếng Anh.</p> <p>Ngoài ra Khoa còn cộng tác với một đội ngũ đông đảo là chuyên gia, cán bộ quản lý cao cấp có kinh nghiệm thực tiễn, tham gia thuyết trình cho các môn học</p> |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Giáo trình, học liệu, các câu lạc bộ của sinh viên, các chương của đoàn thành niên, tham quan học tập tại các tập đoàn lớn hợp tác với Trường Đại học Kinh tế.</p> |
| V | Yêu cầu về thái độ học tập của người học | <p>Cử nhân QTKD đam mê kinh doanh và mong muốn được tự khởi nghiệp với tư cách là lãnh đạo doanh nghiệp; Sẵn sàng chấp nhận khó khăn, ưa thích mạo hiểm để tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới và thu được thành công;</p> <p>Chấp hành nghiêm túc pháp luật trong kinh doanh và kỷ luật trong môi trường doanh nghiệp; Nghiêm túc, nhiệt tình trong công việc và hợp tác, đoàn kết với đối tác, đồng nghiệp; Tích cực hoạt động vì lợi ích chung của cộng đồng.</p> <p>Quy định sàng lọc và chuyển đổi sinh viên</p> <p>Về cơ chế chuyển đổi và sàng lọc sinh viên của Chương trình, sinh viên có kết quả học tập từ loại trung bình trở lên (Điểm trung bình học kỳ (TBHK) ≥ 5.0 theo thang điểm 10) thì được tiếp tục học, nếu không sẽ có cơ chế thôi học hoặc chuyển xuống ngành khác thuộc hệ đại học chính quy chuẩn của Trường (Kinh tế đối ngoại, Tài chính Ngân hàng, Kinh tế chính trị, ...).</p> <p>Sinh viên có kết quả học tập tốt ở chương trình cử nhân QTKD đạt trình độ quốc tế (Điểm trung bình chung học tập từ 8,0 trở lên theo thang điểm 10) có thể được chuyển tiếp sinh lên chương trình thạc sỹ QTKD đạt trình độ quốc tế của Trường (dự kiến đề án này sẽ hoàn thiện trong thời gian tới sau khi chương trình cử nhân QTKD đạt trình độ quốc tế được phê duyệt) với điều kiện tiếng Anh phải đạt được mức tối thiểu TOEFL 550 điểm.</p> <p>Căn cứ vào tổng chỉ tiêu đào tạo của chương trình đẳng cấp quốc tế được giao từ đầu khóa học, Hiệu trưởng sẽ quy định phương thức xét tuyển bổ sung sinh viên vào năm thứ hai (không xét tuyển bổ sung sinh viên vào năm thứ ba, thứ tư) của chương trình đẳng cấp quốc tế trong số những sinh viên hệ đào tạo chính quy các ngành của Trường đáp ứng các điều kiện: Có tư cách đạo đức tốt; có điểm trung bình học tập của năm thứ nhất đạt từ 8,0 trở lên theo thang điểm 10 (tính điểm thi lần đầu) và không có môn học nào có điểm thi lại; điểm TOEFO từ 500 điểm trở lên. Trường sẽ xây dựng chi tiết cơ chế sàng lọc và chuyển đổi sinh viên sau khi đề án được phê duyệt.</p> |
| VI | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được | <p>Chương trình đào tạo cử nhân QTKD đạt chuẩn quốc tế được thực hiện tại Khoa QTKD, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>Khoa QTKD có sứ mệnh “Cung cấp những doanh nhân tiềm năng và hệ thống lý thuyết QTKD”. Trên cơ sở sứ mệnh của Khoa QTKD, chương trình đào tạo cử nhân QTKD đạt chuẩn quốc tế có sứ mệnh “Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ quốc tế trong lĩnh vực QTKD, góp phần nâng cao năng lực</p> |

| STT | Nội dung | Đại học |
|-----|---|--|
| | | <p> cạnh tranh của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam thời kỳ hội nhập”.</p> <p> Chương trình sẽ cung cấp cho Sinh viên các kiến thức và kỹ năng chuyên môn cần thiết để trở thành những nhà lãnh đạo doanh nghiệp trong tương lai, có hiểu biết về thế giới kinh doanh hiện đại, thành công trong sự nghiệp và đóng góp vào sự phát triển của xã hội.</p> <p> Sinh viên tốt nghiệp được trang bị kiến thức và kỹ năng căn bản để có thể hoạt động trong môi trường kinh doanh trong nước và thế giới với mục tiêu đào tạo dự kiến như sau:</p> <p>Về kiến thức</p> <p> Sinh viên tốt nghiệp được trang bị kiến thức tổng hợp về khái niệm cơ bản trong QTKD như quản trị nhân lực, chiến lược, marketing, tác nghiệp, tài chính - kế toán, kinh doanh quốc tế để điều hành doanh nghiệp; có thể đưa ra quyết định có tính chiến lược của doanh nghiệp như chiến lược marketing, chiến lược nguồn nhân lực, chiến lược tài chính nhằm phát triển bền vững doanh nghiệp; phân tích và dự báo những thay đổi về môi trường kinh doanh, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp; áp dụng được các phương pháp phân tích định tính, định lượng như kinh tế lượng, xác suất - thống kê kinh tế, các mô hình ra quyết định trong quản lý để đưa ra các quyết định sáng tạo, logic, có tính đạo đức cao cho doanh nghiệp.</p> <p>Về kỹ năng</p> <p> Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm hiệu quả; Vận dụng thuần thục một số kỹ năng quan trọng của nhà lãnh đạo như đàm phán, giải quyết xung đột, kết nối con người và tìm nguồn tài trợ; tiến hành nghiên cứu các vấn đề của doanh nghiệp, soạn thảo các bài thuyết trình, các văn bản, báo cáo kinh doanh một cách logic, rõ ràng với việc sử dụng công nghệ một cách hợp lý và hiệu quả; sử dụng thành thạo các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Anh như một công cụ đắc lực để giao tiếp tự tin với các đối tác nước ngoài hoặc/và có thể làm việc ngay trong các doanh nghiệp liên doanh, công ty đa quốc gia và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển kinh tế, kinh doanh tại Việt Nam (tương đương IELTS 6.0); sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng như Microsoft office, phần mềm thống kê Eview, internet, hệ thống tìm kiếm...một cách thành thạo để giải quyết vấn đề trong quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng suất cá nhân và hoàn thành công việc trong thời gian ngắn nhất.</p> <p>Về năng lực</p> <p> Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm đương vị trí chuyên viên hoặc trợ lý về kế hoạch, tài chính, sản xuất, nhân sự, marketing ở các tập đoàn, công ty đa quốc gia trong nước và quốc tế.</p> <p> Một thời gian ngắn sau khi tốt nghiệp (2-3 năm), sinh viên có thể phát triển hướng tới những vị trí làm việc trong các doanh nghiệp trong nước và quốc tế sau: Trưởng bộ phận/quản lý các đơn vị như phòng kế hoạch, tài chính, sản xuất, marketing... trong các doanh nghiệp; Chuyên gia tư vấn về quản trị chiến lược, quản trị dự án, quản trị nhân sự, phát triển thị trường... cho các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ; Giám đốc điều hành tại các doanh nghiệp; đại diện thương mại, trưởng văn phòng đại diện, trưởng chi nhánh của các công ty nước ngoài.</p> |
| VII | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở | Sản phẩm đào tạo là các nhân viên kinh doanh, nhà lãnh đạo doanh nghiệp có kiến thức tổng quan về quản trị kinh doanh, có khả năng xây dựng chiến |

| STT | Nội dung | Đại học |
|-----|---------------------|---|
| | các trình độ | <p>lược phát triển cho doanh nghiệp đồng thời cũng nắm vững kiến thức chuyên sâu về một số lĩnh vực quản trị cụ thể.</p> <p><i>Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Lãnh đạo, cán bộ quản lý doanh nghiệp - Nhóm 2: Các nhà lãnh đạo , quản lý trong các cơ quan nhà nước - Nhóm 3: Các giám đốc cấp trung: giám đốc các phòng ban trong doanh nghiệp - Nhóm 4: Các chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp - Nhóm 5: Giảng viên & nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp |

II. Đào tạo Sau đại học

1. Khoa Kinh tế Chính trị

| Stt | Nội dung | Tiến sĩ | Thạc sĩ |
|-----|-----------------------------|--|---|
| I | Điều kiện tuyển sinh | <p>1. Tiến sĩ Kinh tế chính trị:</p> <p>1.1 Điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố:</p> <p>Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng ký dự thi.- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và phải theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ.- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.- Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. <p>- Lưu ý: Riêng ngành Kinh tế chính trị, thí sinh phải có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng ký dự thi. Trong năm 2012, Trường Đại học Kinh tế không nhận hồ sơ của thí sinh phải thi theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ.</p> | <p>1. Thạc sĩ Quản lý kinh tế</p> <p>1.1. Điều kiện văn bằng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế có định hướng chuyên sâu (chuyên ngành) Quản lý kinh tế- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế nhưng không có định hướng chuyên sâu (chuyên ngành) Quản lý kinh tế được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình 5 môn (15 tín chỉ).- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình 9 môn (27 tín chỉ). <p>1.2. Điều kiện thâm niên công tác:</p> <p>Thí sinh dự thi phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến quản lý kinh tế, kể cả người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nhập học) tại một trong những vị trí, lĩnh vực công tác sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Lãnh đạo, chuyên viên, nghiên cứu viên các đơn vị có chức năng nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước hoặc của các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội.- Giảng viên giảng dạy các môn học thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.- Lãnh đạo từ cấp phó phòng hoặc tương đương trở lên tại các tập đoàn kinh tế, các tổ chức kinh tế nhà nước và tư nhân. <p>2. Thạc sĩ kinh tế chính trị</p> <p>2.1. Về văn bằng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy hoặc không chính quy ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế chính trị. |

| Stt | Nội dung | Tiền sĩ | Thạc sĩ |
|-----|--|---|---|
| | | <p>1.2 Điều kiện về thâm niên công tác:</p> <p>Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.</p> <p>Đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức đào tạo</p> <p>Tổng diện tích hội trường, giảng đường và phòng máy vi tính của trường hiện nay là 4.670 m². Với quy mô đào tạo sau đại học hằng năm là 1000 học viên và 1500 sinh viên, tỷ lệ diện tích trên mỗi một người học của Trường Đại học Kinh tế khoảng 2m²/sinh viên (hoặc học viên) (Xem chi tiết tại phụ lục 16.1)</p> <p>Ngoài ra còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn,....</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kinh tế nhưng không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế chính trị được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 môn (15 tín chỉ) theo danh mục kèm theo. - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy các ngành khác thuộc nhóm ngành Kinh tế được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 09 môn (26 tín chỉ) theo danh mục kèm theo. <p>2.2. Về thâm niên công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. - Những trường hợp còn lại phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nhập học). <p>Đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức đào tạo</p> <p>Tổng diện tích hội trường, giảng đường và phòng máy vi tính của trường hiện nay là 4.670 m². Với quy mô đào tạo sau đại học hằng năm là 1000 học viên và 1500 sinh viên, tỷ lệ diện tích trên mỗi một người học của Trường Đại học Kinh tế khoảng 2m²/sinh viên (hoặc học viên) (Xem chi tiết tại phụ lục 16.1)</p> <p>Ngoài ra còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn,....</p> |
| II | <p>Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện...)</p> | <p>Các giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo được biên soạn dựa trên các tài liệu sẵn có của Trường Đại học Kinh tế và các tài liệu nước ngoài, các nghiên cứu tình huống ở Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận nguồn tài liệu từ Trung tâm Thông tin - Thư viện của ĐHQG. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, thu thập, xử lý, quản trị và cung cấp thông tin và nguồn tư liệu khoa học, tư liệu dạy-học (giáo trình, sách tham khảo, tài liệu học thuật) tới toàn bộ mọi đối tượng (bao gồm giảng viên, sinh viên</p> | <p>Các giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo được biên soạn dựa trên các tài liệu sẵn có của Trường Đại học Kinh tế và các tài liệu nước ngoài, các nghiên cứu tình huống ở Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận nguồn tài liệu từ Trung tâm Thông tin - Thư viện của ĐHQG. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, thu thập, xử lý, quản trị và cung cấp thông tin và nguồn tư liệu khoa học, tư liệu dạy-học (giáo trình, sách tham khảo, tài liệu học thuật) tới toàn bộ mọi đối tượng (bao gồm giảng viên, sinh</p> |

| Stt | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|---------------------------|--|---|
| | | <p>và các đối tượng khác) trong toàn ĐHQGHN trong đó có Trường Đại học Kinh tế. Trung tâm Thông tin - Thư viện được ĐHQGHN tập trung đầu tư nhân lực, vật lực và tài lực để không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ thông tin và tư liệu.</p> <p>Nguồn tư liệu của Trung tâm Thông tin - Thư viện gồm khoảng 200 nghìn đầu sách với gần 1 triệu bản sách, 3000 tên tạp chí với khoảng 450 nghìn bản tạp chí, bộ sưu tập tài liệu điện tử gồm 6 cơ sở dữ liệu bài đăng tạp chí khoa học nước ngoài trên CD-ROM, nguồn tin Online gồm ba CSDL sách, tạp chí, luận văn (với 50.000 biểu ghi), 8 CSDL do Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia (NACESTID) cung cấp. Có 56 tên giáo trình với số lượng 1.140 cuốn dành riêng cho chương trình chất lượng cao và chương trình nhiệm vụ chiến lược.</p> <p>Về thiết bị lưu trữ và xử lý, Trung tâm Thông tin - Thư viện có 5 máy chủ, hơn 100 máy trạm và tủ quang 76 giá đĩa (mỗi đĩa 9.1 GB) cho phép lưu trữ và vận hành hệ thống thư viện phục vụ tốt nhu cầu người dùng. Trung tâm Thông tin - Thư viện sử dụng phần mềm thư viện điện tử LIBOL5.0 www.lic.vnu.edu.vn.</p> <p>Hiện tại, Trung tâm Thông tin - Thư viện đáp ứng đủ đầu giáo trình cho khối kiến thức chung và một phần giáo trình cho khối kiến thức cơ sở ngành. Trung tâm cũng có số lượng đáng kể sách tham khảo đối với một số môn học thực hành thuộc chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế.</p> <p>Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN có một phòng Tư liệu riêng tại tầng 5 Trung tâm Thông tin - Thư viện để phục vụ sinh viên của trường Đại học Kinh tế.</p> | <p>viên và các đối tượng khác) trong toàn ĐHQGHN trong đó có Trường Đại học Kinh tế. Trung tâm Thông tin - Thư viện được ĐHQGHN tập trung đầu tư nhân lực, vật lực và tài lực để không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ thông tin và tư liệu.</p> <p>Nguồn tư liệu của Trung tâm Thông tin - Thư viện gồm khoảng 200 nghìn đầu sách với gần 1 triệu bản sách, 3000 tên tạp chí với khoảng 450 nghìn bản tạp chí, bộ sưu tập tài liệu điện tử gồm 6 cơ sở dữ liệu bài đăng tạp chí khoa học nước ngoài trên CD-ROM, nguồn tin Online gồm ba CSDL sách, tạp chí, luận văn (với 50.000 biểu ghi), 8 CSDL do Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia (NACESTID) cung cấp. Có 56 tên giáo trình với số lượng 1.140 cuốn dành riêng cho chương trình chất lượng cao và chương trình nhiệm vụ chiến lược.</p> <p>Về thiết bị lưu trữ và xử lý, Trung tâm Thông tin - Thư viện có 5 máy chủ, hơn 100 máy trạm và tủ quang 76 giá đĩa (mỗi đĩa 9.1 GB) cho phép lưu trữ và vận hành hệ thống thư viện phục vụ tốt nhu cầu người dùng. Trung tâm Thông tin - Thư viện sử dụng phần mềm thư viện điện tử LIBOL5.0 www.lic.vnu.edu.vn.</p> <p>Hiện tại, Trung tâm Thông tin - Thư viện đáp ứng đủ đầu giáo trình cho khối kiến thức chung và một phần giáo trình cho khối kiến thức cơ sở ngành. Trung tâm cũng có số lượng đáng kể sách tham khảo đối với một số môn học thực hành thuộc chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế.</p> <p>Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN có một phòng Tư liệu riêng tại tầng 5 Trung tâm Thông tin - Thư viện để phục vụ sinh viên của trường Đại học Kinh tế.</p> |
| III | Đội ngũ giảng viên | <p>Trường Đại học Kinh tế là cơ sở đào tạo có bề dày kinh nghiệm về đào tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Ngoài đội ngũ cán bộ giảng dạy trong Trường, Trường Đại học Kinh tế còn có rất nhiều giảng viên thỉnh giảng từ các Viện nghiên cứu, học viện, các trường Đại học trong nước cùng tham gia giảng dạy các môn học trong chương trình.</p> <p>Hiện nay, Trường Đại học Kinh tế có 89</p> | <p>Trường Đại học Kinh tế là cơ sở đào tạo có bề dày kinh nghiệm về đào tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Ngoài đội ngũ cán bộ giảng dạy trong Trường, Trường Đại học Kinh tế còn có rất nhiều giảng viên thỉnh giảng từ các Viện nghiên cứu, học viện, các trường Đại học trong nước cùng tham gia giảng dạy các môn học trong chương trình. Hiện nay, Trường Đại</p> |

| Stt | Nội dung | Tiền sĩ | Thạc sĩ |
|-----|---|---|--|
| | | <p>giảng viên cơ hữu, trong đó có 12 Phó giáo sư (chiếm 16%), 47 Tiến sĩ (chiếm 47%) và 30 thạc sĩ.</p> <p>Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Trường Đại học Kinh tế còn hợp tác với rất nhiều giảng viên, cán bộ nghiên cứu từ các trường đại học và viện nghiên cứu trên cả nước, trong đó Trường Đại học Kinh tế đã ký hợp đồng giảng viên kiêm nhiệm với 38 giảng viên từ các cơ sở đào tạo và viên nghiên cứu ngoài Trường.</p> <p>Chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị của Trường Đại học Kinh tế do Khoa Kinh tế chính trị phụ trách. Đội ngũ giảng viên của khoa bao gồm 14 giảng viên trong đó có 04 PGS.TS và 05 tiến sĩ chiếm khoảng 65% tổng số giảng viên của Khoa.</p> | <p>học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu, trong đó có 12 Phó giáo sư (chiếm 16%), 47 Tiến sĩ (chiếm 47%) và 30 thạc sĩ .</p> <p>Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Trường Đại học Kinh tế còn hợp tác với rất nhiều giảng viên, cán bộ nghiên cứu từ các trường đại học và viện nghiên cứu trên cả nước, trong đó Trường Đại học Kinh tế đã ký hợp đồng giảng viên kiêm nhiệm với 38 giảng viên từ các cơ sở đào tạo và viên nghiên cứu ngoài Trường.</p> <p>Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị và chuyên ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế do Khoa Kinh tế chính trị phụ trách. Đội ngũ giảng viên của khoa bao gồm 14 giảng viên trong đó có 04 PGS.TS và 05 tiến sĩ chiếm khoảng 65% tổng số giảng viên của Khoa.</p> |
| IV | <p>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p> | <p>Nghiên cứu sinh được tham gia sinh hoạt chuyên môn thường xuyên thông qua các buổi seminar khoa học cấp khoa và cấp Trường, có cơ hội trau dồi thêm kiến thức lý thuyết và thực tiễn.</p> | <p>Trường Đại học Kinh tế luôn tổ chức các buổi seminar khoa học, các buổi tọa đàm, mời các chuyên gia, các nhà nghiên cứu kinh tế đến trao đổi khoa học cho học viên nhằm trang bị thêm những kiến thức thực tiễn, giúp người học hiểu thêm về các vấn đề kinh tế xã hội của Việt Nam và thế giới.</p> <p>Ngoài ra, các khoa chuyên môn cũng thường xuyên tổ chức cho học viên, sinh viên các đợt thực tập thực tế tại cơ sở, giúp cho người học có thể áp dụng các kiến thức giảng dạy trong nhà trường vào thực tế</p> |
| V | <p>Yêu cầu về thái độ học tập của người học</p> | <p>Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp theo chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị là những người có phẩm chất chính trị vững vàng, có chuyên môn cao và đạo đức nghề nghiệp tốt.</p> | <p>1. Thạc sĩ Quản lý kinh tế:</p> <p>Học viên được đào tạo theo chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế là những người có hành vi và lời nói chuẩn mực, có quan điểm kiên định, tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống, biết lắng nghe và phản biện, có khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc, có tư duy logic, có tinh thần trách nhiệm, tự tin giải quyết công việc.</p> <p>2. Thạc sĩ Kinh tế chính trị:</p> <p>Học viên được đào tạo theo chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị là những người có tính chuyên nghiệp cao và chủ động trong công việc, dám chịu trách nhiệm, tự tin giải quyết công việc và có trách nhiệm xã hội cao.</p> |

| Stt | Nội dung | Tiền sỹ | Thạc sỹ |
|-----|---|--|--|
| VI | <p>Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được</p> | <p>1. Về kiến thức và khả năng nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu, các lý thuyết mới về kinh tế chính trị, các cách tiếp cận đa chiều về các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại thông qua các chuyên đề nâng cao về kinh tế chính trị. - Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn để phát hiện, tìm ra phương pháp nghiên cứu, tiếp cận mới, phân tích, đánh giá, nhận diện các mối tương quan mới, phân biệt hay đề xuất các cách lý giải, giải quyết một vấn đề lý thuyết hay thực tiễn cụ thể dựa trên kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị thông qua việc hoàn thiện luận án tốt nghiệp. <p>2. Về kỹ năng:</p> <p>* Kỹ năng nghề nghiệp:</p> <p>Hiểu và vận dụng được các kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá, dự báo, phân biệt và tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế dựa trên những luận cứ chuyên sâu về kinh tế chính trị; đặc biệt, người học có thể tự nghiên cứu, tìm ra cách tiếp cận mới, tương quan mới, cách phân tích lý giải, giải quyết mới đối với các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế chính trị.</p> <p>Hiểu và áp dụng được kỹ năng tư duy hệ thống, phương pháp liên ngành, có cách tiếp cận riêng biệt từ góc nhìn của kinh tế chính trị hiện đại;</p> <p>Nắm bắt, vận dụng được kỹ năng tự nghiên cứu cao, biết tìm ra cách thức mới hay biết vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trên thực tế đặc biệt để chủ động đàm phán giải quyết xung đột giữa các nhóm lợi ích.</p> <p>* Các kỹ năng mềm:</p> <p>Hiểu và vận dụng thành thạo kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu.</p> <p>Nắm bắt và áp dụng tốt kỹ năng viết và thuyết trình, giảng giải các nghiên cứu kinh tế một cách chuyên nghiệp.</p> | <p>1. Thạc sỹ Quản lý kinh tế</p> <p>1.1. Về kiến thức</p> <p>Trang bị những vấn đề lý thuyết và thực tiễn của công tác quản lý chung cũng như cụ thể, nắm bắt được nguyên lý quản lý kinh tế của đơn vị trong một môi trường mở và hướng ra toàn cầu (<i>act local, think global</i>). Đây chính là các kiến thức cơ bản nhằm phục vụ công tác quản lý kinh tế trong khu vực công (tài chính công, quản lý công, thiết kế chính sách,...) và các khu vực khác (kế toán quản trị, quản trị công ty,...).</p> <p>1.2. Về kỹ năng</p> <p>* Kỹ năng nghề nghiệp</p> <p>Học viên tốt nghiệp có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách - Sử dụng mô hình, kỹ thuật, nguyên lý và số liệu trong kinh tế học ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn - Phân tích và đánh giá dữ liệu trong công tác ra quyết định quản lý - Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chính sách, các quyết định quản lý trong tổ chức - Lập luận tư duy và giải quyết vấn đề - Sáng tạo và phát triển nghề nghiệp <p>* Các kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có các kỹ năng cá nhân (tư vấn lãnh đạo, ứng phó với sự thay đổi...) - Các kỹ năng làm việc nhóm (phối hợp các thành viên nhóm, lãnh đạo nhóm...) - Kỹ năng quản lý và lãnh đạo - Xử lý các mối quan hệ với các chủ thể trong và ngoài đơn vị, cấp dưới lẫn cấp trên một cách hiệu quả - Kỹ năng giao tiếp - Sử dụng tốt tiếng Anh trong giao tiếp và trong học tập, nghiên cứu - Sử dụng thành thạo tin học văn phòng và một số phần mềm phân tích dữ liệu |

| Stt | Nội dung | Tiền sỹ | Thạc sỹ |
|-----|----------|--|---|
| | | <p>Giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc, học tập, nghiên cứu và trao đổi (tương đương IELTS 5.5).</p> <p>Biết phác thảo mô hình, phân tích định lượng dựa trên các phần mềm thống kê như SPSS, Eviews hoặc STATA...</p> <p>3. Điều kiện về ngoại ngữ:</p> <p>Tương đương Chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu chung (đối với tiếng Anh: tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL) đối với chương trình đào tạo thạc sỹ liên kết quốc tế do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng và chương trình đào tạo trình độ tiến sỹ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội;</p> | <p>2.Thạc sỹ kinh tế chính trị</p> <p>2.1. Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu và vận dụng được các kiến thức thuộc nhóm chuyên ngành vào việc nghiên cứu, tiếp cận thực tiễn và các môn học chuyên ngành thông qua các môn học như các cách tiếp cận lý thuyết về kinh tế chính trị, lý thuyết kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, chính trị và phát triển... • Hiểu được các kiến thức chuyên sâu, nắm bắt được các kỹ năng, phương pháp phân tích kinh tế chủ yếu để lập luận, phân tích đánh giá, vận dụng vào thực tiễn công việc thông qua các môn học như Kinh tế chính trị của sự phát triển, Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế, Môi trường và phát triển, Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước đang phát triển, Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức, Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người, Khu vực kinh tế công và các vấn đề về kinh tế chính trị ở Việt Nam... • Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị để nghiên cứu, phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp, bước đầu phân biện và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế chính trị thông qua việc thiết kế nghiên cứu và hoàn thiện luận văn tốt nghiệp. <p>2.2. Về kỹ năng</p> <p>* Các kỹ năng nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng được kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phân biện, tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế dựa trên những luận cứ chuyên sâu về kinh tế chính trị; - Nắm bắt và áp dụng được kỹ năng tư duy hệ thống và phương pháp liên ngành trên cơ sở tiếp cận sâu từ góc nhìn của kinh tế chính trị; - Nắm bắt, vận dụng được kỹ năng tham gia tích cực vào quá trình tư vấn, tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện các chính sách công, các quyết định giải quyết xung đột giữa các nhóm lợi ích khác nhau |

| Stt | Nội dung | Tiền sỹ | Thạc sỹ |
|-----|---|--|---|
| | | | <p>trong nền kinh tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và áp dụng được kỹ năng tự nghiên cứu và vận dụng các kiến thức, các phương pháp vào nhận diện và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trên thực tế; từng bước hình thành năng lực sáng tạo, chủ động đàm phán giải quyết xung đột giữa các nhóm lợi ích. <p>* Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng được các kỹ năng làm việc độc lập, đàm phán và quản lý sự thay đổi. - Nắm bắt được kỹ năng viết và trình bày các báo cáo phân tích kinh tế một cách chuyên nghiệp. - Giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc học tập và nghiên cứu (tương đương 4.5 IELTS). - Vận dụng thành thạo phần mềm thống kê như SPSS, Eviews hoặc STATA... <p>3. Điều kiện về ngoại ngữ:</p> <p>Tương đương Chuẩn B1 của Khung tham chiếu Châu Âu (đối với tiếng Anh: tương đương 4.5 IELTS, hoặc 477 TOEFL) đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội;</p> |
| VII | <p>Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ</p> | <p>Tiền sỹ ngành Kinh tế Chính trị có thể làm việc theo 2 nhóm công việc sau:</p> <p>Nhóm 1:</p> <p><i>* Chuyên gia phân tích, tư vấn về kinh tế:</i></p> <p>Tiền sỹ kinh tế chính trị có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để có thể làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong việc phân tích đánh giá, phản biện và tư vấn, hoạch định chính sách công; chuyên gia tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý... trong nhiều tổ chức kinh tế xã hội mang tính liên ngành; các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc tế tại Việt Nam;</p> <p>Nhóm 2:</p> <p><i>* Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế có trình độ cao:</i></p> <p>Tiền sỹ kinh tế chính trị có khả năng tự nghiên cứu và giảng dạy có chất lượng cao, sáng tạo tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo</p> | <p>1. Thạc sỹ Quản lý kinh tế:</p> <p>Thạc sỹ chuyên ngành Quản lý kinh tế có khả năng nghiên cứu các vấn đề quản lý kinh tế, tham gia hoạch định và tổ chức chỉ đạo thực hiện các chính sách kinh tế; có thể tham gia công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế ở nhiều cấp độ khác nhau. Sau khi tốt nghiệp, các Thạc sỹ Quản lý kinh tế có thể làm việc tốt ở cả khu vực công lẫn các khu vực khác.</p> <p>2. Thạc sỹ Kinh tế chính trị:</p> <p>Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc theo hai nhóm sau:</p> <p>Nhóm 1:</p> <p><i>* Chuyên viên phân tích, tư vấn về kinh tế:</i></p> <p>Có đủ năng lực chuyên môn để làm việc tại các tổ chức kinh tế chính trị xã hội mang tính liên ngành; các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các thể chế kinh tế quốc tế tại Việt Nam; có thể trở thành các chuyên viên phân tích đánh giá, phản biện và tư vấn hoạch định chính sách</p> |

| Stt | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|----------|---|--|
| | | <p>đọc đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế chính trị quốc tế; các lý thuyết và phương pháp tiếp cận kinh tế chính trị ...</p> <p>Tiến sỹ kinh tế chính trị có khả năng tự nghiên cứu và giảng dạy có chất lượng cao, sáng tạo tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế chính trị quốc tế; các lý thuyết và phương pháp tiếp cận kinh tế chính trị ...</p> | <p>công; chuyên viên tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý...; triển vọng có thể trở thành các chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn và quản lý kinh tế cấp cao.</p> <p>Nhóm 2: * <i>Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế:</i> Có năng lực nghiên cứu và giảng dạy tại các viện nghiên cứu, các trường đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế, đặc biệt là kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế chính trị quốc tế; phân tích và hoạch định chính sách công...; triển vọng có thể trở thành các nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp về kinh tế.</p> |

2. Khoa Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|-----------------------------|---|--|
| I | Điều kiện tuyển sinh | <ul style="list-style-type: none"> - Những người chưa có bằng Thạc sỹ: điều kiện dự thi thực hiện theo quy định như đối với những người dự thi vào Cao học ngành Kinh tế quốc tế. - Những người có bằng Thạc sỹ ngành gần: Học bổ sung 16 tín chỉ - Những người có bằng Thạc sỹ ngành đúng học phù hợp: được dự thi ngay | <p>* Điều kiện về văn bằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế quốc tế hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế quốc tế. - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính – Ngân hàng - Bảo hiểm và Kinh doanh nhưng không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế quốc tế, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 môn (15 tín chỉ). - Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính – Ngân hàng - Bảo hiểm và Kinh doanh, nhưng không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kinh tế quốc tế, được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 09 môn (27 tín chỉ). <p>* Về thâm niên công tác: Những người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ túc kiến thức được dự thi ngay. Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ túc kiến thức thi cần phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm</p> |

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|--|--|--|
| | | | công tác. |
| II | Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...) | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 32 phòng học với tổng diện tích 4.220 m², 1 phòng máy tính với 60 đầu máy và 3 hội trường với diện tích 390 m². Các phòng học, phòng máy tính và hội trường được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, âm thanh, ánh sáng cho việc giảng dạy và học tập.</p> <p>Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn, ...</p> <p>Với số phòng học, phòng thực hành và các hội trường, sân tập trên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo với quy mô hiện có và các chương trình đào tạo của nhà trường.</p> | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 32 phòng học với tổng diện tích 4.220 m², 1 phòng máy tính với 60 đầu máy và 3 hội trường với diện tích 390 m². Các phòng học, phòng máy tính và hội trường được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, âm thanh, ánh sáng cho việc giảng dạy và học tập.</p> <p>Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn, ...</p> <p>Với số phòng học, phòng thực hành và các hội trường, sân tập trên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo với quy mô hiện có và các chương trình đào tạo của nhà trường.</p> |
| III | Đội ngũ giảng viên | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu với trình độ từ thạc sỹ trở lên, trong đó có 12 phó giáo sư, 47 tiến sỹ và 30 thạc sỹ giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành. Trong đó khoa Kinh tế Quốc tế là khoa phụ trách chương trình KTQT có 15 giảng viên (3 PGS, 8 tiến sỹ, 4 thạc sỹ)</p> <p>Đặc biệt, vì là một đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN nên các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực của chương trình do các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Trường ĐHKH Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Ngoại ngữ, Trường ĐH Công nghệ, Khoa Luật, Trung tâm Bồi dưỡng và Đào tạo giảng viên lý luận chính trị, Trung tâm GD Quốc phòng – An ninh, Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao đảm nhận.</p> | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu với trình độ từ thạc sỹ trở lên, trong đó có 12 phó giáo sư, 47 tiến sỹ và 30 thạc sỹ giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành và ngành. Trong đó khoa Kinh tế Quốc tế là khoa phụ trách chương trình KTQT có 15 giảng viên (3 PGS, 8 tiến sỹ, 4 thạc sỹ)</p> <p>Đặc biệt, vì là một đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN nên các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực của chương trình do các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN như Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Trường ĐHKH Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Ngoại ngữ, Trường ĐH Công nghệ, Khoa Luật, Trung tâm Bồi dưỡng và Đào tạo giảng viên lý luận chính trị, Trung tâm GD Quốc phòng – An ninh, Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao đảm nhận.</p> |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | - Giáo trình, học liệu | - Giáo trình, học liệu |
| V | Yêu cầu về thái độ học tập của người học | <p>- Có các phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo.</p> <p>- Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</p> | <p>- Có các phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo.</p> <p>- Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</p> |

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|--|---|--|
| | | <p>nghư đam mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường kinh tế quốc tế thường xuyên biến động.</p> <p>- Có các phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng.</p> | <p>nghư đam mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa.</p> <p>- Có các phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng.</p> |
| VI | <p>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu chung Đào tạo Tiến sỹ theo định hướng chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, có kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế hiện đại, đặc biệt là các lý thuyết mới trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, các cách tiếp cận mới đối với các vấn đề kinh tế quốc tế như xu hướng phát triển mới của nền kinh tế thế giới hiện đại, các chính sách về Thương mại quốc tế, Đầu tư quốc tế, Tài chính quốc tế...các thể chế kinh tế quốc tế trong nền kinh tế toàn cầu... <p>Nghiên cứu sinh cũng được trang bị phương pháp tư duy khoa học, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá sự tương tác giữa các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới dựa trên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế hiện đại; có khả năng viết và thuyết trình một cách khoa học, chuyên nghiệp các công trình nghiên cứu.</p> <p>Kết thúc chương trình, người học có năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có thể tự tiến hành các nghiên cứu để trở thành các chuyên gia cao cấp trong việc nghiên cứu, phân tích, tư vấn, phân biện, hoạch định và thực thi chính sách trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, hoặc trở thành giảng viên trình độ cao, giảng dạy chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu kiến thức và khả năng nghiên cứu Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế một cách khoa học. <p>Nghiên cứu định tính, định lượng chuyên sâu các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế, đưa ra các giải pháp và kiến nghị.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu kỹ năng <i>* Kỹ năng nghề nghiệp</i> | <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu chung Đào tạo Thạc sỹ theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo với năng lực tổng hợp, phân tích, đánh giá để hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách, cũng như lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài tại các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn, tổng công ty hay doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài. Học viên cũng có năng lực nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học hay học tập, nghiên cứu ở trình độ Thạc sỹ trong lĩnh vực kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế và các lĩnh vực liên quan. <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu kiến thức và khả năng nghiên cứu Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế thông qua kiến thức nền tảng của khối ngành. <p>Tổng hợp, phân tích và đánh giá chính sách về quan hệ thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài thông qua các kiến thức chuyên ngành.</p> <p>Tổng hợp và phân tích yếu tố vĩ mô, vi mô, bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới các dự án trong lĩnh vực thương mại và đầu tư nước ngoài.</p> <p>Nghiên cứu định tính, định lượng các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế, đưa ra các giải pháp và kiến nghị.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu kỹ năng <i>* Kỹ năng nghề nghiệp</i> Tham gia hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài. <p>Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại và đầu tư nước ngoài</p> <p>Lập luận, tư duy hệ thống và năng lực nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Kinh tế Thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế.</p> |

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|--|--|--|
| | | <p>Phát hiện, phân tích, đánh giá, dự báo, phân biện và tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế quốc tế dựa trên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế.</p> <p>Tự nghiên cứu, tìm ra cách tiếp cận mới, tương quan mới, cách phân tích lý giải, giải quyết mới đối với các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> <p>Có khả năng tư duy hệ thống, phương pháp liên ngành, có cách tiếp cận riêng biệt từ góc nhìn của kinh tế quốc tế hiện đại.</p> <p>Có khả năng tự nghiên cứu cao, biết tìm ra cách thức mới hay biết vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế quốc tế hiện đại.</p> <p><i>* Kỹ năng mềm</i></p> <p>Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu.</p> <p>Có kỹ năng viết và thuyết trình, giảng giải các nghiên cứu kinh tế một cách chuyên nghiệp.</p> <p>Giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc, học tập, nghiên cứu và trao đổi.</p> <p>Biết phác thảo mô hình, phân tích định lượng dựa trên các phần mềm như SPSS, Eviews hoặc STATA...</p> | <p>Vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức cũng như thực tiễn quốc tế vào bối cảnh Việt Nam.</p> <p><i>* Kỹ năng mềm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc độc lập và tự nghiên cứu khám phá. - Quản lý nhóm và lãnh đạo nhóm hiệu quả. - Lắng nghe và tư duy phân biện. - Giao tiếp truyền đạt rõ và hiệu quả. - Giải quyết tốt các mối quan hệ cá nhân trong tổ chức. - Sử dụng thành thạo phần mềm xử lý thông tin như SPSS, E-View... - Sử dụng tiếng Anh phục vụ công việc (tương đương IELTS 4.5). |
| VII | <p>Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ</p> | <p>Nhóm 1 <i>* Chuyên gia hoạch định, phân tích, tư vấn chính sách:</i></p> <p>Có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để có thể làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong việc hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế; tài chính quốc tế; đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của chính phủ cũng như các tổ chức quốc tế như UN, ADB, IMF, WB, iNGOs...</p> <p>Nhóm 2 <i>* Nghiên cứu viên và giảng viên trình độ cao:</i></p> <p>Có khả năng tự nghiên cứu sáng tạo và giảng dạy chuyên sâu tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.</p> | <p>Nhóm 1 <i>* Chuyên gia hoạch định, phân tích, tư vấn chính sách:</i></p> <p>Có khả năng đảm nhận các công việc hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế; tài chính quốc tế; đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của chính phủ cũng như các tổ chức quốc tế như UN, ADB, IMF, WB, iNGOs...</p> <p>Nhóm 2 <i>* Nghiên cứu viên và giảng viên :</i></p> <p>Có khả năng nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề hay các môn học liên quan đến thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài tại các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở nghiên cứu.</p> <p>Nhóm 3 <i>* Nhà quản lý tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước</i></p> |

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|----------|---------|--|
| | | | Có khả năng đảm nhận các công việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án cũng như tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng về thương mại và đầu tư nước ngoài tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty doanh nghiệp nhà nước, các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài. |

3. Ngành Tài chính – Ngân hàng

| STT | Nội dung | Thạc sỹ Tài chính ngân hàng |
|-----|--|---|
| I | Điều kiện tuyển sinh | Thí sinh có trình độ tốt nghiệp đại học tham gia kỳ thi tuyển sinh sau đại học hàng năm đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN, trường Đại học Kinh tế và ngành Tài chính - Ngân hàng. |
| II | Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...) | <p>Hiện nay Trường Đại học Kinh tế có 32 phòng học với tổng diện tích 4.220 m², 1 phòng máy tính với 60 đầu máy và 3 hội trường với diện tích 390 m². Các phòng học, phòng máy tính và hội trường được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, âm thanh, ánh sáng cho việc giảng dạy và học tập.</p> <p>Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn, ...</p> <p>Với số phòng học, phòng thực hành và các hội trường, sân tập trên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo với quy mô hiện có và các chương trình đào tạo của nhà trường.</p> |
| III | Đội ngũ giảng viên | <p>Trường Đại học Kinh tế là cơ sở đào tạo có bề dày kinh nghiệm về đào tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Ngoài đội ngũ cán bộ giảng dạy trong Trường, Trường Đại học Kinh tế còn có rất nhiều giảng viên thỉnh giảng từ các Viện nghiên cứu, học viện, các trường Đại học trong nước cùng tham gia giảng dạy các môn học trong chương trình.</p> <p>Hiện nay, Trường Đại học Kinh tế có 89 giảng viên cơ hữu, trong đó có 12 Phó giáo sư (chiếm 16%), 47 Tiến sĩ (chiếm 47%) và 30 thạc sĩ.</p> <p>Tổng số 16 giảng viên :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên cơ hữu: 10 giảng viên có học vị tiến sĩ (trong đó có 2 giảng viên có học hàm PGS) - Giảng viên kiêm nhiệm: 6 giảng viên có học vị tiến sĩ (trong đó có 1 giảng viên có học hàm PGS). |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <ul style="list-style-type: none"> - Định hướng luận văn cho học viên - Tổ chức sinh hoạt khoa học theo chuyên đề |
| V | Yêu cầu về thái | - Có các phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi |

| STT | Nội dung | Thạc sỹ Tài chính ngân hàng |
|-----|---|--|
| | độ học tập của người học | <p>ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm, đáng tin cậy, tuân thủ kỷ luật của tổ chức, tác phong làm việc chuyên nghiệp. - Có các phẩm chất đạo đức xã hội như: Tôn trọng pháp luật, có lối sống tích cực, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng. |
| VI | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức nâng cao, chuyên sâu thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng, bao gồm các lý thuyết, mô hình hiện đại trong kinh tế học và quản trị tài chính-ngân hàng và những ứng dụng của chúng; những công cụ tài chính mới được sử dụng trong kinh doanh và quản lý rủi ro; các xu hướng phát triển của khu vực Tài chính - Ngân hàng trên thế giới và tác động của chúng tới Việt Nam. - Ứng dụng những lý thuyết hiện đại để giải quyết các vấn đề của thực tế Việt Nam, cụ thể là phân tích và dự báo được động thái của các thị trường tài chính; tính toán được hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và ngân hàng; thiết kế được các chương trình huy động vốn và đầu tư vốn; thiết kế và thực thi các chiến lược phòng ngừa rủi ro tài chính; biết cách định giá các công cụ và định giá doanh nghiệp; một số học viên sẽ được đào tạo để có khả năng phân tích và khuyến nghị các chính sách ở tầm vĩ mô. - Giao tiếp bằng ngoại ngữ (tiếng Anh) thành thạo bao gồm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong lĩnh vực tài chính ngân hàng |
| VII | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia phân tích tài chính, hoạch định chính sách ở các doanh nghiệp, ngân hàng và các định chế tài chính phi ngân hàng; có thể được tuyển dụng làm chuyên gia nghiên cứu, phân tích, hoạch định chính sách của Ngân hàng Trung ương, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán, các Viện nghiên cứu... |

4. Ngành Quản trị Kinh doanh

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|-----------------------------|--|--|
| I | Điều kiện tuyển sinh | <p>Người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng thạc sỹ chuyên ngành QTKD hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành QTKD (<i>Chuyên ngành tốt nghiệp thạc sỹ được coi là chuyên ngành đúng của chuyên ngành đào tạo tiến sỹ khi mã số (tên gọi) của chuyên ngành này và chuyên ngành đào tạo thạc sỹ có chuyên ngành đào tạo tiến sỹ QTKD trùng nhau; được coi là chuyên ngành phù hợp khi nội dung phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo của chuyên ngành này và của chuyên ngành đào tạo thạc sỹ có chuyên ngành đào tạo tiến sỹ QTKD khác nhau không quá 20% cả về nội dung và khối lượng kiến</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy hoặc không chính quy ngành <i>Quản trị kinh doanh</i> hoặc ngành <i>Kinh tế</i> có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về <i>Quản trị kinh doanh</i>. - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành <i>Kinh tế</i> nhưng không có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về <i>Quản trị kinh doanh</i> được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 05 môn (15 tín chỉ) - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy các ngành khác thuộc nhóm ngành <i>Kinh tế</i> được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 09 môn |

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|----------|---|--|
| | | <p><i>thức kỹ năng; khác nhau từ 20-30% được coi là chuyên ngành gần; khác nhau quá 30% được coi là chuyên ngành khác).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng thạc sỹ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và phải dự thi theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sỹ. - Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi. - Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi. - Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. <p>4.1.2. Điều kiện thâm niên công tác: Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sỹ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.</p> <p>4.1.3. Đạt các điều kiện như quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 10 Quy chế Đào tạo Sau đại học ở ĐHQGHN được ban hành theo quyết định số 3810/KHCN, ngày 10/10/2007 của Giám đốc ĐHQGHN.</p> <p>Các môn thi tuyển đầu vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với những thí sinh chưa có bằng thạc sỹ: thi 5 môn. <ul style="list-style-type: none"> - Môn thi cơ bản: <i>Toán kinh tế.</i> - Môn thi cơ sở: <i>Quản trị học.</i> - Môn thi chuyên ngành: <i>Quản trị doanh nghiệp</i> - Môn Ngoại ngữ: <i>Trình độ C, chọn thi 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Đức, Nga, Pháp, Trung Quốc.</i> - Bảo vệ đề cương nghiên cứu. • Đối với những thí sinh đã có bằng thạc sỹ: thi 3 môn <ul style="list-style-type: none"> - Môn thi chuyên ngành: <i>Quản trị doanh</i> | <p>(27 tín chỉ).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy các ngành: <i>Toán, Toán tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Quốc tế học, Luật học, Du lịch, Khoa học chính trị, Giáo dục chính trị, Tiếng anh thương mại và các ngành Kỹ thuật</i> được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ túc kiến thức với chương trình gồm 12 môn (34 tín chỉ) - Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. - Những trường hợp còn lại phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nhập học). - Riêng đối tượng dự thi thạc sỹ Quản trị kinh doanh có bằng tốt nghiệp đại học chính quy (kể cả loại khá trở lên) các ngành: <i>Toán, Toán Tin, Công nghệ thông tin, Tin học ứng dụng, Quốc tế học, Luật học, Du lịch, Khoa học chính trị, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh thương mại và các ngành Kỹ thuật</i> phải có ít nhất 3 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh. <p>Thi tuyển với các môn thi sau đây:</p> <p>Môn thi cơ bản: <i>Toán kinh tế</i></p> <p>Môn thi cơ sở: <i>Quản trị học</i></p> <p>Môn Ngoại ngữ: theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p>Những thí sinh có một trong các điều kiện sau đây sẽ được miễn môn Ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bằng đại học, thạc sỹ hoặc tiến sỹ ở nước ngoài mà ngôn ngữ đã sử dụng trong học tập là một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung. - Có chứng chỉ IELTS 5.0; TOEFL quốc tế 400 trở lên trong thời hạn 1 năm kể từ ngày dự thi lấy chứng chỉ đến ngày dự thi sau đại học. - Tốt nghiệp đại học hệ chính quy chuyên ngành Ngoại ngữ (thuộc một trong năm thứ tiếng nêu trên). - Có chứng chỉ công nhận trình độ ngoại ngữ dự tuyển đào tạo sau đại học ở |

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|---|---|---|
| | | <p><i>nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Môn Ngoại ngữ: <i>Trình độ C, chọn thi 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Đức, Nga, Pháp, Trung Quốc.</i> Bảo vệ đề cương nghiên cứu. | <p>ĐHQGHN (trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi).</p> |
| II | <p>Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện ...)</p> | <p>Đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức đào tạo</p> <p>Tổng diện tích hội trường, giảng đường và phòng máy vi tính của trường hiện nay là 4.670 m². Với quy mô đào tạo sau đại học hằng năm là 1000 học viên và 1500 sinh viên, trong đó cơ 6 phòng học được trang thiết bị có 08 phòng học chuẩn quốc tế, 2 phòng hội thảo tại khu giảng đường của Trường trong hệ thống Đại học Quốc gia.</p> <p>Ngoài ra còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn,....</p> <p>Các giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo được biên soạn dựa trên các tài liệu sẵn có của Trường Đại học Kinh tế và các tài liệu nước ngoài, các nghiên cứu tình huống ở Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận nguồn tài liệu từ Trung tâm Thông tin - Thư viện của ĐHQG. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, thu thập, xử lý, quản trị và cung cấp thông tin và nguồn tư liệu khoa học, tư liệu dạy-học (giáo trình, sách tham khảo, tài liệu học thuật) tới toàn bộ mọi đối tượng (bao gồm giảng viên, sinh viên và các đối tượng khác) trong toàn ĐHQGHN trong đó có Trường ĐHK.T. Trung tâm Thông tin - Thư viện được ĐHQGHN tập trung đầu tư nhân lực, vật lực và tài lực để không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ thông tin và tư liệu.</p> <p>Nguồn tư liệu của Trung tâm Thông tin - Thư viện gồm khoảng 200 nghìn đầu sách với gần 1 triệu bản sách, 3000 tên tạp chí với khoảng 450 nghìn bản tạp chí, bộ sưu tập tài liệu điện tử gồm 6 cơ sở dữ liệu bài đăng tạp chí khoa học nước ngoài trên CD-ROM, nguồn tin Online gồm ba CSDL sách, tạp chí, luận văn (với 50.000 biểu ghi), 8 CSDL do Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia (NACESTID) cung cấp. Có 56 tên giáo trình với số lượng 1.140 cuốn dành riêng</p> | <p>Đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức đào tạo</p> <p>Tổng diện tích hội trường, giảng đường và phòng máy vi tính của trường hiện nay là 4.670 m². Với quy mô đào tạo sau đại học hằng năm là 1000 học viên và 1500 sinh viên, trong đó cơ 6 phòng học được trang thiết bị có 08 phòng học chuẩn quốc tế, 2 phòng hội thảo tại khu giảng đường của Trường trong hệ thống Đại học Quốc gia.</p> <p>Ngoài ra còn sử dụng cơ sở vật chất chung của ĐHQGHN như phòng máy tính của ĐH Công nghệ, sân bãi tập thể dục thể thao, hội trường lớn,....</p> <p>Các giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo được biên soạn dựa trên các tài liệu sẵn có của Trường Đại học Kinh tế và các tài liệu nước ngoài, các nghiên cứu tình huống ở Việt Nam. Sinh viên được tiếp cận nguồn tài liệu từ Trung tâm Thông tin - Thư viện của ĐHQG. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, thu thập, xử lý, quản trị và cung cấp thông tin và nguồn tư liệu khoa học, tư liệu dạy-học (giáo trình, sách tham khảo, tài liệu học thuật) tới toàn bộ mọi đối tượng (bao gồm giảng viên, sinh viên và các đối tượng khác) trong toàn ĐHQGHN trong đó có Trường ĐHK.T. Trung tâm Thông tin - Thư viện được ĐHQGHN tập trung đầu tư nhân lực, vật lực và tài lực để không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ thông tin và tư liệu.</p> <p>Nguồn tư liệu của Trung tâm Thông tin - Thư viện gồm khoảng 200 nghìn đầu sách với gần 1 triệu bản sách, 3000 tên tạp chí với khoảng 450 nghìn bản tạp chí, bộ sưu tập tài liệu điện tử gồm 6 cơ sở dữ liệu bài đăng tạp chí khoa học nước ngoài trên CD-ROM, nguồn tin Online gồm ba CSDL sách, tạp chí, luận văn (với 50.000 biểu ghi), 8 CSDL do Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia (NACESTID) cung cấp. Có 56 tên giáo trình với số lượng 1.140 cuốn dành riêng cho chương trình chất</p> |

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|--|--|--|
| | | <p>cho chương trình chất lượng cao và chương trình nhiệm vụ chiến lược.</p> <p>Về thiết bị lưu trữ và xử lý, Trung tâm Thông tin - Thư viện có 5 máy chủ, hơn 100 máy trạm và tủ quang 76 giá đĩa (mỗi đĩa 9.1 GB) cho phép lưu trữ và vận hành hệ thống thư viện phục vụ tốt nhu cầu người dùng. Trung tâm Thông tin - Thư viện sử dụng phần mềm thư viện điện tử LIBOL5.0 www.lic.vnu.edu.vn.</p> <p>Hiện tại, Trung tâm Thông tin - Thư viện đáp ứng đủ đầu giáo trình cho khối kiến thức chung và một phần giáo trình cho khối kiến thức cơ sở ngành. Trung tâm cũng có số lượng đáng kể sách tham khảo đối với một số môn học thực hành thuộc chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế.</p> <p>Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN có một phòng Tư liệu riêng tại tầng 5 Trung tâm Thông tin - Thư viện để phục vụ sinh viên của trường Đại học Kinh tế.</p> | <p>lượng cao và chương trình nhiệm vụ chiến lược.</p> <p>Về thiết bị lưu trữ và xử lý, Trung tâm Thông tin - Thư viện có 5 máy chủ, hơn 100 máy trạm và tủ quang 76 giá đĩa (mỗi đĩa 9.1 GB) cho phép lưu trữ và vận hành hệ thống thư viện phục vụ tốt nhu cầu người dùng. Trung tâm Thông tin - Thư viện sử dụng phần mềm thư viện điện tử LIBOL5.0 www.lic.vnu.edu.vn.</p> <p>Hiện tại, Trung tâm Thông tin - Thư viện đáp ứng đủ đầu giáo trình cho khối kiến thức chung và một phần giáo trình cho khối kiến thức cơ sở ngành. Trung tâm cũng có số lượng đáng kể sách tham khảo đối với một số môn học thực hành thuộc chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế.</p> <p>Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN có một phòng Tư liệu riêng tại tầng 5 Trung tâm Thông tin - Thư viện để phục vụ sinh viên của trường Đại học Kinh tế.</p> |
| III | Đội ngũ giảng viên | <p>Khoa Quản trị Kinh doanh có đội ngũ 24 giảng viên, trong đó có 3 PGS, 14 tiến sỹ, 7 thạc sỹ đang làm nghiên cứu sinh. 80% giảng viên có sử dụng tiếng Anh để nghiên cứu, giảng dạy bằng tiếng Anh.</p> <p>Ngoài ra Khoa còn cộng tác với một đội ngũ đồng đảo là chuyên gia, cán bộ quản lý cao cấp có kinh nghiệm thực tiễn, tham gia thuyết trình cho các môn học</p> | <p>Khoa Quản trị Kinh doanh có đội ngũ 24 giảng viên, trong đó có 3 PGS, 14 tiến sỹ, 7 thạc sỹ đang làm nghiên cứu sinh. 80% giảng viên có sử dụng tiếng Anh để nghiên cứu, giảng dạy bằng tiếng Anh.</p> <p>Ngoài ra Khoa còn cộng tác với một đội ngũ đồng đảo là chuyên gia, cán bộ quản lý cao cấp có kinh nghiệm thực tiễn, tham gia thuyết trình cho các môn học</p> |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <p>Giáo trình, học liệu, các câu lạc bộ của sinh viên, các chương của đoàn thành niên, tham quan học tập tại các tập đoàn lớn hợp tác với Trường Đại học Kinh tế.</p> | <p>Giáo trình, học liệu, các câu lạc bộ của sinh viên, các chương của đoàn thành niên, tham quan học tập tại các tập đoàn lớn hợp tác với Trường Đại học Kinh tế.</p> |
| V | Yêu cầu về thái độ học tập của người học | <p>Tiến sỹ QTKD đam mê kinh doanh và mong muốn được tự khởi nghiệp với tư cách là lãnh đạo doanh nghiệp; Sẵn sàng chấp nhận khó khăn, ưa thích mạo hiểm để tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới và thu được thành công; Chấp hành nghiêm túc pháp luật trong kinh doanh và kỷ luật trong môi trường doanh nghiệp; Nghiêm túc, nhiệt tình trong công việc và hợp tác, đoàn kết với đối tác, đồng nghiệp; Tích cực hoạt động vì lợi ích chung của cộng đồng.</p> | <p>Thạc sỹ QTKD đam mê kinh doanh và mong muốn được tự khởi nghiệp với tư cách là lãnh đạo doanh nghiệp; Sẵn sàng chấp nhận khó khăn, ưa thích mạo hiểm để tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới và thu được thành công; Chấp hành nghiêm túc pháp luật trong kinh doanh và kỷ luật trong môi trường doanh nghiệp; Nghiêm túc, nhiệt tình trong công việc và hợp tác, đoàn kết với đối tác, đồng nghiệp; Tích cực hoạt động vì lợi ích chung của cộng đồng.</p> |

| STT | Nội dung | Tiến sỹ | Thạc sỹ |
|-----|---|--|---|
| VI | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề quản trị kinh doanh một cách khoa học; - Nghiên cứu định tính, định lượng chuyên sâu các vấn đề liên quan đến quản trị kinh doanh, đưa ra các giải pháp và kiến nghị; - Đưa ra các gợi ý cho nghiên cứu trong tương lai. <p>Có ít nhất 03 bài báo đăng trên tạp chí khoa học, trong đó có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc báo cáo tại hội nghị khoa học chuyên ngành quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Kỹ năng nghề nghiệp</i> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện, phân tích, đánh giá, dự báo, phản biện và tư vấn giải pháp cho các vấn đề về QTKD dựa trên những kiến thức chuyên sâu về QTKD; - Tự nghiên cứu, tìm ra cách tiếp cận mới, tương quan mới, cách phân tích lý giải, giải quyết mới đối với các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực QTKD - Có khả năng tư duy hệ thống, phương pháp liên ngành, có cách tiếp cận riêng biệt từ góc nhìn của kinh tế & QTKD hiện đại - Có khả năng tự nghiên cứu cao, biết tìm ra cách thức mới hay biết vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế & QTKD hiện đại • <i>Kỹ năng mềm</i> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu. - Có kỹ năng viết và thuyết trình, giảng giải các nghiên cứu kinh tế & QTKD một cách chuyên nghiệp. - Giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc, học tập, nghiên cứu và trao đổi. <p>Biết phác thảo mô hình, phân tích định lượng dựa trên các phần mềm như SPSS, Eviews hoặc STATA...</p> | <p><i>Về kiến thức:</i></p> <p>Chương trình trang bị cho các học viên những kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh hiện đại, cách thức xây dựng chiến lược phát triển cho tổ chức. Cung cấp cho học viên các chỉ dẫn về cách thức vận dụng những kiến thức đó trong thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh.</p> <p><i>Về kỹ năng:</i></p> <p>Cung cấp cho học viên kỹ năng phân tích, đánh giá và dự báo những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như môi trường hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra các quyết sách đúng đắn cho chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn. Xây dựng và phát triển năng lực lãnh đạo của học viên, bao gồm kỹ năng lãnh đạo bản thân và lãnh đạo tổ chức. Giúp học viên nâng cao khả năng sáng tạo và ứng dụng các lý luận, phát huy các kinh nghiệm của bản thân và hình thành các kỹ năng cần thiết trong việc phân tích và xử lý các tình huống quản trị.</p> |
| VII | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ | <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Giảng viên & nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp - Nhóm 2: Chuyên gia tư vấn cao cấp độc lập trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp - Nhóm 3: Chuyên gia có trình độ cao tại các cơ quan quản lý, hoạch định và tư vấn chính sách, hay các tập đoàn kinh tế. - Nhóm 4: Giám đốc bộ phận phát triển chiến lược hoặc nghiên cứu và phát triển tại | <p><i>Về phẩm chất nghề nghiệp</i></p> <p>Sản phẩm đào tạo là các nhà lãnh đạo doanh nghiệp có kiến thức tổng quan về quản trị kinh doanh, có khả năng xây dựng chiến lược phát triển cho doanh nghiệp đồng thời cũng nắm vững kiến thức chuyên sâu về một số lĩnh vực quản trị cụ thể.</p> |

| STT | Nội dung | Tiền sỹ | Thạc sỹ |
|-----|----------|--|--|
| | | các tập đoàn kinh tế trong nước hoặc tập đoàn đa quốc gia. | <p><i>Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Các giám đốc doanh nghiệp - Nhóm 2: Các nhà lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước - Nhóm 3: Các giám đốc cấp trung: giám đốc các phòng ban trong doanh nghiệp - Nhóm 4: Các chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp - Nhóm 5: Giảng viên & nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp |